

LỜI MỞ ĐẦU

Trong nền kinh tế với mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, việc quản lý và sử dụng vốn là một khâu quan trọng có ảnh hưởng tới việc phát triển hay suy thoái của doanh nghiệp.

Chính vì vậy mà kế toán vốn bằng tiền trở nên rất quan trọng và là công cụ không thể thiếu được trong quản lý kế toán của nhà nước và doanh nghiệp. Bởi vì thông qua việc thu chi cho phép đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, nó quyết định sự sống còn của doanh nghiệp. Trong thực tế chúng ta không chỉ có sử dụng vốn mà điều quan trọng là phải bảo toàn, phát triển và sử dụng vốn có hiệu quả.

Nắm bắt được vấn đề trên và qua tìm hiểu thực tế tại công ty TNHH Hùng Thắng, trong thời gian thực tập tại công ty em đã đi sâu tìm hiểu về công tác “Kế toán vốn bằng tiền” tại công ty. Từ những thực tại ở công ty và những gì em đã được học ở trường cùng với sự giúp đỡ nhiệt tình của cô giáo- Thạc sĩ Phạm Thị Nga, em đã chọn đề tài “ ***Hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH Hùng Thắng***” làm đề tài luận văn tốt nghiệp của mình.

Trong thời gian thực hiện viết chuyên đề, do thời gian và năng lực còn hạn chế, cho nên bài luận văn của em không thể tránh khỏi những thiếu sót và sai lầm cả về mặt nội dung lẫn hình thức thể hiện. Vì vậy em rất mong nhận được sự góp ý của các thầy cô. Em xin chân thành cảm ơn!

Kết cấu luận văn ngoài phần mở đầu, kết luận thì bao gồm 3 phần:

- ❖ Chương 1: Lý luận chung về tổ chức công tác kế toán vốn bằng tiền trong Doanh nghiệp.
- ❖ Chương 2: Thực trạng tổ chức công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH Hùng Thắng.
- ❖ Chương 3: Một số ý kiến nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH Hùng Thắng.

Chương 1

LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TRONG DOANH NGHIỆP

1.1. Khái niệm, nhiệm vụ của kế toán vốn bằng tiền:

1.1.1. Khái niệm, nội dung kế toán vốn bằng tiền:

Vốn bằng tiền là một bộ phận của tài sản lưu động trong doanh nghiệp tồn tại dưới hình thái tiền tệ, có tính thanh khoản cao nhất, bao gồm: Tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi tại các ngân hàng kho bạc Nhà nước và các khoản tiền đang chuyển. Với tính linh hoạt cao vốn bằng tiền vừa được sử dụng để đáp ứng các nhu cầu thanh toán các khoản nợ của doanh nghiệp hoặc mua sắm vật tư hàng hoá để sản xuất kinh doanh, vừa là kết quả của kế toán mua bán, hạch toán thu hồi các khoản nợ. Chính vì vậy quy mô vốn bằng tiền phản ánh khả năng thanh toán tức thời của doanh nghiệp và là một bộ phận của vốn lưu động. Vốn bằng tiền được phản ánh ở các tài khoản nhóm 1 gồm:

- TK 111: Tiền mặt
- TK 112: Tiền gửi
- TK 113: Tiền đang chuyển

(Bao gồm cả nội tệ, ngân phiếu, vàng, bạc, kim khí, đá quý)

1.1.2. Yêu cầu quản lý vốn bằng tiền.

Vốn bằng tiền là một tài sản đặc biệt, nó là vật ngang giá chung, vì vậy trong quá trình quản lý rất dễ xảy ra tham ô lãng phí. Do vậy, việc sử dụng vốn bằng tiền cần phải tuân thủ các nguyên tắc, chế độ quản lý chặt chẽ và kế hoạch bảo đảm tốt các yêu cầu sau:

- Mọi biến động của vốn bằng tiền phải làm đầy đủ thủ tục là phải có chứng từ gốc hợp lệ.
- Việc sử dụng chi tiêu vốn bằng tiền phải đúng mục đích, đúng chế độ.

1.1.3. Nhiệm vụ kế toán vốn bằng tiền:

Để thực hiện tốt việc quản lý vốn bằng tiền với vai trò công cụ quản lý kinh tế, kế toán vốn bằng tiền cần thực hiện tốt các vấn đề sau:

- Hàng ngày phản ánh kịp thời tình hình thu, chi, tồn quỹ vốn bằng tiền và tình hình chấp hành định mức tồn quỹ tiền mặt. Thường xuyên đối chiếu tiền mặt tồn quỹ thực tế với sổ sách.
- Kiểm tra giám sát chặt chẽ việc chấp hành chế độ thu chi và quản lý nghiêm ngặt việc sử dụng các loại vốn bằng tiền. Kiểm soát phát hiện các trường hợp chi tiêu lãng phí, sai chế độ, phát hiện các chênh lệch, xác định nguyên nhân và kiến nghị biện pháp xử lý chênh lệch vốn bằng tiền.
- Phản ánh tình hình tăng, giảm và số dư tài khoản ngân hàng, hàng ngày giám đốc việc chấp hành chế độ thanh toán không dùng tiền mặt.
- Phản ánh các khoản tiền đang chuyển kịp thời, phát hiện nguyên nhân làm cho tiền đang chuyển bị ách tắc để doanh nghiệp có biện pháp kịp thời và thích hợp giải phóng tiền đang chuyển.
- Phản ánh chính xác, đầy đủ, kịp thời tình hình các loại vàng bạc, kim khí, đá quý và ngoại tệ. Giám sát việc chấp hành chế độ quy định về quản lý các loại vốn bằng tiền.
- Tổ chức thực hiện các quy định về chứng từ thủ tục hạch toán vốn bằng tiền.

1.1.4. Vai trò của kế toán vốn bằng tiền:

Trong quản lý có nhiều công cụ quản lý khác nhau như: Thống kê, phân tích các hoạt động kinh tế... Nhưng kế toán luôn được coi là công cụ quản lý kinh tế quan trọng nhất với chức năng: Ghi chép, tính toán, phản ánh, giám sát thường xuyên, liên tục sự biến động của vốn bằng tiền bằng các thước đo giá trị và hiện vật. Kế toán căn cứ vào các tài liệu cần thiết về thu chi vốn bằng tiền, đáp ứng nhu cầu quản lý trong quá trình sản xuất kinh doanh.

Với các tài liệu và thông tin về tài chính do kế toán cung cấp giúp cho chủ doanh nghiệp và những người quản lý nắm vững tình hình sử dụng vốn cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp mình.

Để từ đó thấy được mặt mạnh, mặt yếu, để từ đó có những quyết định quản lý và chỉ đạo chính xác, phù hợp sao cho quá trình sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất.

1.1.5. Ý nghĩa của vốn bằng tiền.

Vốn bằng tiền của doanh nghiệp là tài sản tồn tại trực tiếp dưới hình thức tiền tệ bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển. Trong quá trình sản xuất kinh doanh vốn bằng tiền được sử dụng để đáp ứng nhu cầu về thanh toán các khoản nợ phải trả, hay để mua sắm vật tư, hàng hoá, dịch vụ, nguyên vật liệu... để sản xuất kinh doanh. Chính vì vậy vốn bằng tiền là một bộ phận của vốn lưu động dùng để phản ánh khả năng thanh toán của doanh nghiệp.

Mặt khác, vốn bằng tiền là một loại vốn đòi hỏi doanh nghiệp phải quản lý hết sức chặt chẽ vì trong quá trình luân chuyển vốn bằng tiền rất dễ bị lợi dụng, tham ô, mất mát. Do vậy việc sử dụng vốn bằng tiền phải tuân thủ theo các thủ tục, các nguyên tắc, chế độ quản lý tiền tệ thống nhất của Nhà nước.

- Cung cấp thông tin một cách kịp thời chính xác, kiểm tra các hoạt động kế toán tài chính của doanh nghiệp qua đó giúp doanh nghiệp đưa ra các quyết định phù hợp, chính xác nhằm giảm những chi phí không cần thiết tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh, tăng lợi nhuận.

- Đáp ứng nhu cầu thanh toán của doanh nghiệp, giúp doanh nghiệp chủ động được tình hình tài chính của mình trong nghiệp vụ thanh toán không bị rơi vào tình trạng mất khả năng thanh toán.

- Đáp ứng thực hiện mua sắm nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, hàng hoá... đảm bảo cho công tác sản xuất kinh doanh được liên tục đem lại hiệu quả cao trong sản xuất kinh doanh.

Nói tóm lại vốn bằng tiền có vai trò rất lớn, nó tham gia vào nhiều chu trình trong quá trình sản xuất kinh doanh, doanh nghiệp nên có biện pháp quản lý và sử dụng vốn đem lại hiệu quả cao nhất.

1.1.6. Nguyên tắc kế toán vốn bằng tiền.

- Hạch toán vốn bằng tiền phải sử dụng một đơn vị tiền tệ thống nhất là đồng Việt Nam, trừ trường hợp được phép sử dụng một đơn vị tiền tệ thông dụng khác.

- Ở những doanh nghiệp có ngoại tệ nhập quỹ tiền mặt hoặc gửi vào ngân hàng phải quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo tỷ giá hối đoái tại ngày phát sinh giao dịch (là tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế hoặc tỷ giá giao dịch bình quân trong thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh để ghi sổ kế toán).

- Trường hợp bán ngoại tệ nhập quỹ tiền mặt, gửi vào ngân hàng hoặc thanh toán công nợ ngoại tệ bằng đồng Việt Nam thì được quy đổi đồng ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo tỷ giá mua hoặc tỷ giá thanh toán.

+ Bên có các tài khoản ngoại tệ: TK 1112, TK 1122 được quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo tỷ giá trên sổ kế toán theo một trong các phương pháp sau:

- Bình quân gia quyền
- Nhập trước xuất trước
- Nhập sau xuất trước
- Giá thực tế đích danh

(như một loại hàng hoá đặc biệt)

- Nhóm tài khoản vốn bằng tiền có nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam, đồng thời phải hạch toán chi tiết ngoại tệ theo nguyên tệ. Nếu có chênh lệch tỷ giá hối đoái thì tùy theo từng trường hợp sẽ được xử lý chênh lệch như sau:

+ Nếu chênh lệch phát sinh trong giai đoạn sản xuất kinh doanh (kể cả doanh nghiệp sản xuất kinh doanh có hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản) thì số lãi do tỷ giá được phản ánh vào TK 515- Doanh thu tài chính và lỗ do tỷ giá được phản ánh vào TK 635- Chi phí tài chính.

+ Nếu chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản (là giai đoạn trước hoạt động) thì số chênh lệch được phản ánh vào TK 413- Chênh lệch tỷ giá hối đoái.

+ Số dư cuối kỳ của các tài khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ phải được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính năm.

- Ngoại tệ được kế toán chi tiết theo từng loại ngoại tệ trên TK 007- Ngoại tệ các loại (Tài khoản ngoài bảng)

- Đối với vàng bạc, kim khí, đá quý phản ánh ở nhóm tài khoản vốn bằng tiền chỉ áp dụng cho các doanh nghiệp không đăng ký kinh doanh vàng bạc, kim khí, đá quý.

+ Vàng bạc, kim khí, đá quý phải được theo dõi về số lượng, trọng lượng, quy cách phẩm chất và giá trị của từng thứ, từng loại. Giá trị vàng bạc, kim khí, đá quý nhập vào quỹ được tính theo giá thực tế (giá hoá đơn hoặc giá được thanh toán).

+ Khi tính giá xuất vàng bạc, kim khí, đá quý có thể áp dụng một trong bốn phương pháp tính giá hàng tồn kho:

- Bình quân gia quyền
- Nhập trước xuất trước
- Nhập sau xuất trước
- Thực tế đích danh

➤ Phương pháp giá đơn vị bình quân.

Theo phương pháp này giá của vàng, bạc, ngoại tệ, kim khí, đá quý... xuất quỹ được tính trên cơ sở số lượng xuất quỹ trong kỳ, giá đơn vị bình quân(bình quân cả kỳ dự trữ, bình quân cuối kỳ trước hay bình quân sau mỗi lần nhập)

Công thức tính như sau:

$$\text{Giá thực tế xuất quỹ} = \text{Số lượng xuất quỹ} \times \text{Giá đơn vị bình quân}$$

Trong đó giá đơn vị bình quân theo phương pháp được tính như sau:

* Đối với phương pháp bình quân cuối kỳ trước(đầu kỳ này)

$$\text{Giá đơn vị bình quân} = \frac{\text{Giá thực tế tồn kỳ trước}}{\text{Lượng thực tế tồn kỳ trước}}$$

Ưu điểm: Phản ánh kịp thời tình hình xuất dung trong kỳ.

Nhược điểm: Do đề cập đến giá cả của kỳ này nên độ chính xác không cao.

* Đối phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ.

$$\text{Giá đơn vị bình quân} = \frac{\text{Giá thực tế đầu kỳ} + \text{Giá thực tế nhập trong kỳ}}{\text{Lượng thực tế tồn đầu kỳ} + \text{Lượng thực tế nhập trong kỳ}}$$

Ưu điểm: Việc tính toán đơn giản không mất nhiều công sức, thời gian, độ chính xác cao hơn phương pháp bình quân gia quyền cuối kỳ trước (đầu kỳ này).

Nhược điểm: Ở phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ thì chỉ xác định được giá đơn vị bình quân khi kết thúc kỳ hạch toán, chỉ mang tính bình quân cả kỳ. Không phản ánh kịp thời được giá của vàng, bạc, ngoại tệ, kim khí quý, đá quý... nên độ chính xác này chưa cao.

* Đối với phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập.

$$\text{Giá đơn vị bình quân} = \frac{\text{Giá thực tế trước và sau mỗi lần nhập}}{\text{Lượng trước và sau mỗi lần nhập}}$$

Ưu điểm: Độ chính xác cao nhất, phản ánh được tình hình biến động của giá cả theo từng giai đoạn.

Nhược điểm: Do sau mỗi lần nhập phải tính lại đơn giá bình quân nên phương pháp này tốn nhiều công sức tính toán.

➤ Phương pháp nhập trước, xuất trước (FIFO).

Theo phương pháp này trước tiên ta phải xác định lại đơn giá của mỗi lần nhập quỹ và giả thiết rằng số vàng, bạc, ngoại tệ, kim khí quý, đá quý... nào nhập trước thì sẽ xuất ra trước. Sau đó căn cứ vào số lượng xuất quỹ để tính ra giá thực tế xuất quỹ theo nguyên tắc hàng xuất quỹ trước được tính theo đơn giá thực tế của lần nhập tiếp theo. Do vậy giá trị của vàng, bạc, ngoại tệ, kim khí quý, đá quý... tồn quỹ cuối kỳ sẽ là giá thực tế của vàng, bạc, ngoại tệ, kim khí quý, đá quý... mua

vào cùng trong kỳ. Phương pháp này chỉ thích hợp với điều kiện nền kinh tế có giá cả ổn định.

➤ Phương pháp nhập sau, xuất trước(LIFO).

Theo phương pháp này trước tiên ta cũng phải xác định được đơn giá từng lần nhập quỹ và giả thiết rằng hàng nào nhập sau cùng sẽ được xuất ra trước tiên. Sau đó căn cứ vào số lượng xuất quỹ để tính ra giá thực tế xuất quỹ theo nguyên tắc hàng xuất quỹ trước được định giá theo đơn giá thực tế của lần nhập cuối cùng. Số còn lại được tính theo đơn giá thực tế của lần nhập trước đó. Phương pháp này chỉ áp dụng trong điều kiện nền kinh tế có lạm phát để đảm bảo thực hiện nguyên tắc thận trọng.

➤ Phương pháp thực tế đích danh.

Theo phương pháp này trước hết phải theo dõi, quản lý số lượng, đơn giá sau mỗi lần nhập của từng lô hàng. Khi xuất quỹ thuộc lô hàng nào thì căn cứ vào số lượng xuất quỹ và đơn hàng thực tế nhập quỹ của lô hàng đó để tính ra giá thực tế xuất quỹ.

1.2. Kế toán tiền mặt tại quỹ:

Tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp bao gồm: Tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí, đá quý. Mọi nghiệp vụ thu, chi bằng tiền mặt và bảo quản tiền mặt tại quỹ là do thủ quỹ của doanh nghiệp thực hiện.

1.2.1. Tài khoản sử dụng:

Tài khoản 111- Tiền mặt: Dùng để phản ánh tình hình thu, chi tồn quỹ tại quỹ của doanh nghiệp bao gồm: Tiền Việt Nam(kể cả ngân phiếu), ngoại tệ, vàng bạc, kim khí, đá quý.

Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 111- Tiền mặt:

Bên nợ:

- Các khoản tiền mặt, ngân phiếu, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí, đá quý nhập quỹ.
- Số tiền mặt, ngân phiếu, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí, đá quý thừa ở quỹ phát hiện khi kiểm kê.

- Chênh lệch tỷ giá hối đoái tăng do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ (đối với tiền mặt ngoại tệ).

Bên có:

- Các khoản tiền mặt, ngân phiếu, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí, đá quý xuất quỹ.
- Số tiền mặt, ngân phiếu, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí, đá quý thiếu hụt ở quỹ phát hiện khi kiểm kê.
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái giảm do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ (đối với tiền mặt ngoại tệ).

Số dư bên nợ:

- Các khoản tiền mặt, ngân phiếu, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí, đá quý còn tồn quỹ tiền mặt.

❖ TK 111- Tiền mặt, có 3 tài khoản cấp 2:

- TK 1111- Tiền Việt Nam
- TK 1112- Ngoại tệ
- TK 1113- Vàng bạc, kim khí, đá quý

1.2.2. Chứng từ sử dụng để hạch toán tiền mặt tại quỹ:

- Phiếu thu (Mẫu số 01-TT): Dùng để hạch toán số tiền (VNĐ, ngoại tệ) mà công ty đã thu trong kỳ theo từng nguồn thu.
- Phiếu chi (Mẫu số 02-TT): Dùng để hạch toán số tiền (VNĐ, ngoại tệ) mà công ty đã chi trong kỳ theo từng nguồn chi. Đồng thời phiếu chi còn căn cứ để xác định trách nhiệm vật chất của người nhận tiền.
- Giấy đề nghị tạm ứng (Mẫu số 03-TT): Căn cứ xét duyệt tạm ứng làm thủ tục lập phiếu chi và xuất quỹ cho tạm ứng.
- Giấy đề nghị thanh toán tiền tạm ứng (Mẫu số 04-TT): Là chứng từ liệt kê các khoản đã nhận tạm ứng và các khoản đã chi của người tạm ứng, là căn cứ để công ty thanh toán số tiền tạm ứng và ghi sổ.
- Giấy đề nghị thanh toán (Mẫu số 05-TT): Dùng trong trường hợp người có nhiệm vụ uỷ quyền đã chi tiền nhưng chưa được thanh toán hoặc chưa được nhận

tạm ứng. Khi đó người chi tiền sẽ viết giấy đề nghị thanh toán tập hợp các khoản đã chi kèm theo các chứng từ liên quan làm thủ tục thanh toán.

- Biên lai thu tiền (Mẫu số 06-TT): Dùng làm căn cứ ghi nhận số tiền đã thu đồng thời đó cũng là căn cứ để xác định trách nhiệm vật chất của người nhận tiền.

- Bảng kê vàng, bạc, ngoại tệ, đá quý... (Mẫu số 07-TT): Dùng để liệt kê số lượng vàng, bạc, ngoại tệ, đá quý... mà công ty có, đồng thời phản ánh giá trị thực tế tại thời điểm cụ thể.

- Bảng kiểm kê quỹ (Mẫu số 08-TT): Là biên bản xác định số tiền hiện có của công ty tại thời điểm nhất định. Qua biên bản kiểm kê quỹ có thể đối chiếu được số tiền thực có của công ty và số tiền trên sổ sách kế toán xem có khớp nhau không.

* Quy trình phiếu thu, phiếu chi: Sau khi ghi đầy đủ các nội dung trên tờ phiếu, mỗi phiếu thu, chi sẽ được đính kèm với các chứng từ có liên quan theo để chuyển cho giám đốc và kế toán trưởng duyệt, sau đó được chuyển cho thủ quỹ làm căn cứ nhập, xuất quỹ. Các phiếu thu, phiếu chi phải được đánh số liên tục để tránh trường hợp gian lận, biến thủ công quỹ.

➤ Phiếu thu do kế toán lập thành 3 liên (đặt giấy than viết 1 lần).

- Liên 1: Lưu ở nơi lập phiếu.

- Liên 2: Thủ quỹ dùng để ghi sổ quỹ và chuyển cho kế toán thanh toán cùng với chứng từ gốc để vào sổ kế toán.

- Liên 3: Giao cho người nộp tiền.

➤ Phiếu chi do kế toán lập thành 2 liên (đặt giấy than viết 1 lần).

- Liên 1: Lưu ở nơi nộp phiếu.

- Liên 2: Thủ quỹ dùng để ghi sổ quỹ và chuyển cho kế toán thanh toán cùng với chứng từ gốc để vào sổ kế toán.

1.2.3. Phương pháp hạch toán tiền mặt VND.

Hạch toán tiền mặt Việt Nam đồng phải tuân thủ theo các nguyên tắc, các chế độ quản lý, lưu thông tiền tệ hiện hành, đồng thời phải tôn trọng các quy định sau:

- Nguyên tắc tiền tệ thống nhất: Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh được kế toán sử dụng một đơn vị tiền tệ thống nhất là “đồng” Ngân hàng Nhà nước Việt Nam để phản ánh (VNĐ).

- Nguyên tắc cập nhập: Kế toán phản ánh kịp thời chính xác tình hình thu, chi và số tiền Việt Nam đồng hiện có tại quỹ.

1.2.3.1. Quy tắc kế toán tiền mặt Việt Nam đồng:

- Chỉ phản ánh vào TK 1111- tiền Việt Nam số tiền mặt thực tế nhập, xuất quỹ tiền mặt. Đối với khoản tiền thu được chuyển nộp ngay vào ngân hàng (không qua quỹ tiền mặt của doanh nghiệp mà chưa nhận được giấy báo có của ngân hàng) thì không ghi vào bên nợ TK1111 mà ghi vào bên nợ TK113- tiền đang chuyển.

- Các khoản tiền do doanh nghiệp khác hoặc cá nhân ký cược, ký quỹ tại doanh nghiệp được quản lý và hạch toán như các loại tài khoản bằng tiền khác của doanh nghiệp.

- Khi tiến hành nhập xuất quỹ tiền mặt phải có phiếu thu, phiếu chi và đầy đủ chữ ký của người nhận tiền, người giao tiền và người cho phép nhận xuất quỹ theo quy định của chế độ chứng từ kế toán. Một số trường hợp đặc biệt phải có lệnh nhập quỹ, xuất quỹ đính kèm.

- Kế toán quỹ tiền mặt phải có trách nhiệm mở sổ quỹ kế toán tiền mặt, ghi chép hàng ngày, liên tục theo trình tự phát sinh các khoản thu, chi, nhập, xuất quỹ tiền mặt, ngoại tệ và tính ra số tồn quỹ tại mọi thời điểm.

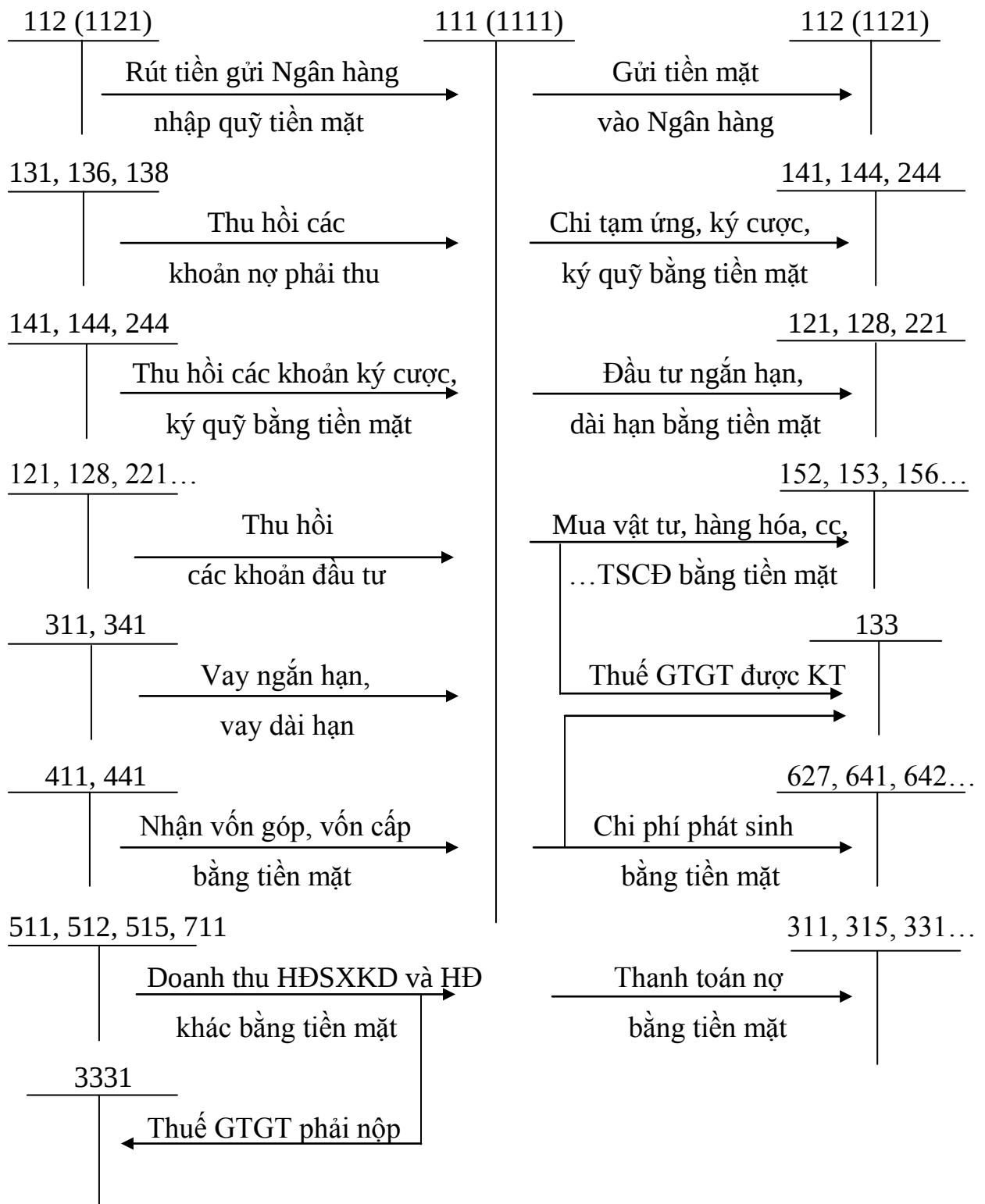
- Thủ quỹ chịu trách nhiệm quản lý và nhập xuất quỹ tiền mặt. Hàng ngày thủ quỹ phải kiểm kê số tồn quỹ tiền mặt thực tế, đối chiếu số liệu giữa sổ quỹ tiền mặt và sổ kế toán tiền mặt. Nếu có chênh lệch, thủ quỹ và kế toán phải kiểm tra để xác định nguyên nhân và kiến nghị biện pháp xử lý chênh lệch.

1.2.3.2. Tài khoản sử dụng:

TK 1111- Tiền Việt Nam: Phản ánh tình hình thu, chi, tồn quỹ tiền Việt Nam tại quỹ tiền mặt, bao gồm cả ngân phiếu.

1.2.3.3. Phương pháp kế toán tiền Việt Nam: Được thể hiện qua sơ đồ 1.1 sau:

Sơ đồ 1.1. Kế toán tiền mặt (VNĐ)



1.2.4. **Phương pháp hạch toán tiền mặt (ngoại tệ).**

1.2.4.1. *Nguyên tắc hạch toán ngoại tệ:*

- Nguyên tắc hạch toán ngoại tệ: Mọi nghiệp vụ liên quan đến ngoại tệ phải phải được quy đổi về “đồng Việt Nam” để ghi sổ. Tỷ giá quy đổi là tỷ giá mua bán thực tế bình quân trên thị trường liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chính thức công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Với những ngoại tệ mà ngân hàng không công bố tỷ giá quy đổi ra đồng Việt Nam thì thống nhất quy đổi qua đồng đô la Mỹ (USD).

- Nguyên tắc cập nhập: Kế toán phản ánh kịp thời chính xác số tiền bằng ngoại tệ hiện có và tình hình thu, chi toàn bộ các loại tiền bằng ngoại tệ, mở sổ theo dõi chi tiết từng loại ngoại tệ (theo đồng ngoại tệ và theo đồng Việt Nam quy đổi).

- Ở những doanh nghiệp có ngoại tệ nhập quỹ tiền mặt phải quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của nghiệp vụ kinh tế phát sinh hoặc tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế để ghi sổ kế toán.

- Trường hợp mua ngoại tệ về nhập quỹ tiền mặt thì phải quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo tỷ giá mua hoặc tỷ giá thanh toán. Bên có TK1112- ngoại tệ được quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo tỷ giá trên sổ kế toán TK1112 theo một trong các phương pháp sau: Bình quân gia quyền, nhập trước xuất trước, nhập sau xuất trước, thực tế đích danh.

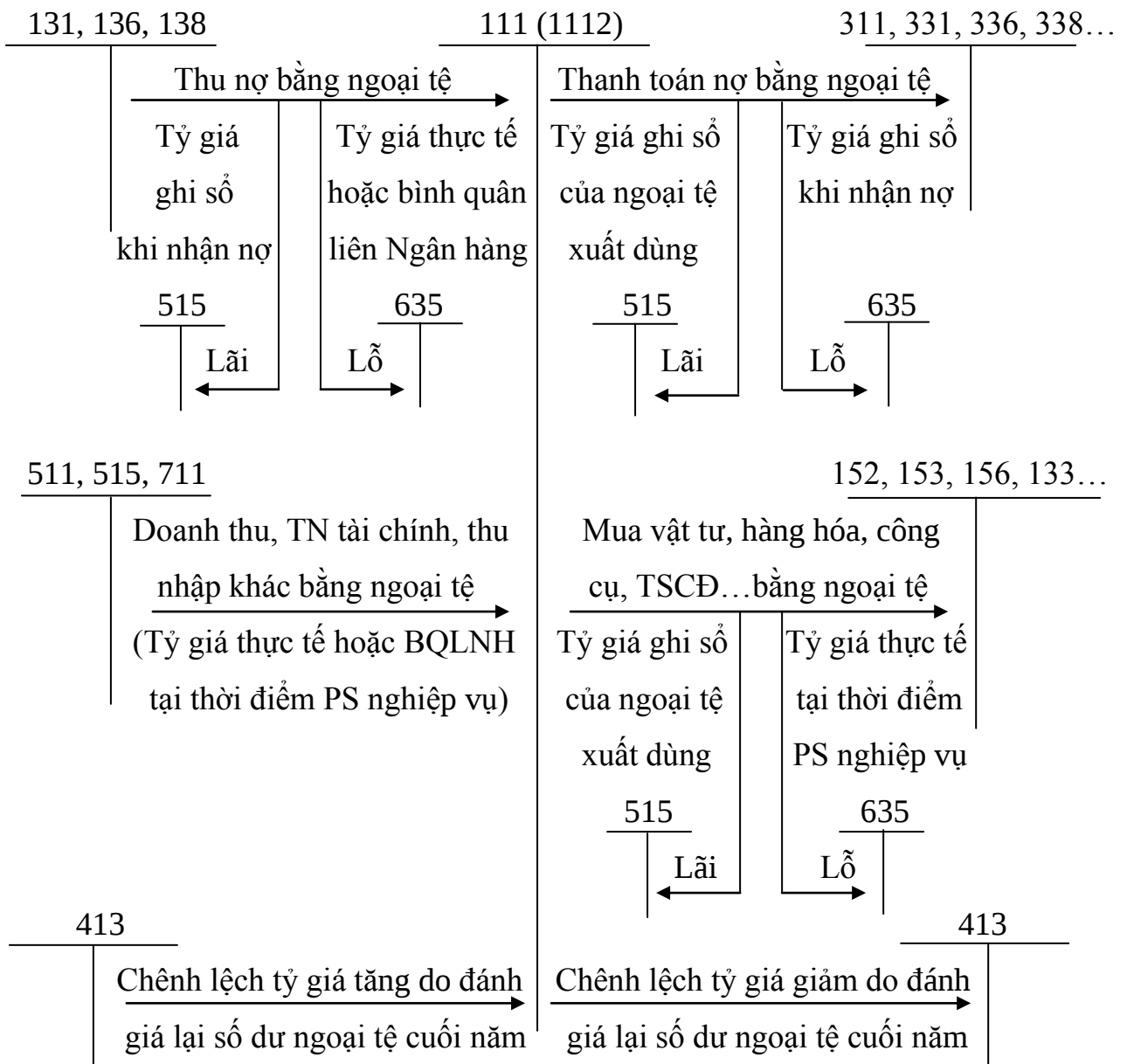
- Tiền mặt bằng ngoại tệ được hạch toán chi tiết theo từng loại nguyên tệ trên TK 007- Ngoại tệ các loại (TK ngoài bảng).

Tài khoản này chỉ mở chi tiết theo từng loại ngoại tệ và nơi quản lý ngoại tệ (tại quỹ hay gửi ở ngân hàng).

1.2.4.2. *Tài khoản sử dụng:*

TK 1112- Ngoại tệ: Phản ánh tình hình thu, chi, tăng, giảm tỷ giá và tồn quỹ ngoại tệ tại quỹ tiền mặt theo giá trị quy đổi ra đồng Việt Nam.

1.2.4.3. *Phương pháp kế toán tiền ngoại tệ:* Được thể hiện qua **sơ đồ 1.2.**



Tất cả các nghiệp vụ trên đều phải đồng thời ghi đơn TK 007 - Ngoại tệ các loại.

007	
Thu nợ bằng ngoại tệ	Thanh toán nợ bằng ngoại tệ
- Doanh thu, TN tài chính, TN khác bằng ngoại tệ	- Mua vật tư, hàng hóa, công cụ, TSCĐ... bằng ngoại tệ

Sơ đồ 1.2: Kế toán tiền mặt ngoại tệ

1.2.5. Hạch toán vàng bạc, kim khí, đá quý:

1.2.5.1. Nguyên tắc kế toán vàng bạc, kim khí, đá quý:

- Đối với vàng bạc, kim khí, đá quý phản ánh ở tài khoản tiền mặt chỉ áp dụng cho các doanh nghiệp không đăng ký kinh doanh vàng bạc, kim khí, đá quý.
- Khi phát sinh nghiệp vụ có vàng bạc, kim khí, đá quý nhập quỹ tiền mặt thì ghi sổ theo giá mua thực tế (giá hoá đơn hoặc giá được thanh toán).
- Khi xuất vàng bạc, kim khí, đá quý có thể tính giá bình quân hoặc giá thực tế đích danh. Tuy nhiên do vàng bạc, kim khí, đá quý là loại tài sản có giá trị lớn và mang tính tách biệt nên phương pháp tính giá thực tế đích danh thường được sử dụng.
- Nếu có chênh lệch giữa giá xuất và giá thanh toán tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ thì được phản ánh vào TK 711: Thu nhập khác hoặc TK 811: Chi phí khác.
- Riêng vàng bạc, kim khí, đá quý nhận ký cược, ký quỹ nhập theo giá nào thì khi xuất hoàn trả lại phải theo giá đó và phải đếm số lượng, cân trọng lượng và giám định chất lượng trước khi niêm phong.

1.2.5.2. Tài khoản sử dụng:

TK 1113- Vàng bạc, kim khí, đá quý

1.2.5.3. Phương pháp hạch toán vàng bạc, kim khí, đá quý tại quỹ tiền mặt:

(1). Mua vàng bạc, kim khí, đá quý nhập quỹ:

Nợ TK 1113:	Giá mua thực tế
Có TK 111, 112:	ghi trên hoá đơn.

(2). Nhận ký cược, ký quỹ bằng vàng bạc, kim khí, đá quý:

Nợ TK 1113:	Giá thực tế nhập quỹ
Có TK 338 (3388):	Nhận ký cược, ký quỹ ngắn hạn
Có TK 344:	Nhận ký cược, ký quỹ dài hạn.

(3). Hoàn lại tiền ký cược, ký quỹ bằng vàng bạc, kim khí, đá quý:

Nợ TK 338 (3388), 344...	
Có TK 1113:	Giá thực tế lúc nhận ký cược, ký quỹ.

(4). Xuất vàng bạc, kim khí, đá quý đem ký cược, ký quỹ:

Nợ TK 144, 244/ Có TK 1113: Theo giá thực tế xuất.

(5). Khách hàng trả nợ bằng vàng bạc, kim khí, đá quý:

Nợ TK 1113: Giá thực tế khi được thanh toán

Nợ TK 811: Chênh lệch khi giá thanh toán < giá lúc ghi nhận nợ

Có TK 131: Giá thực tế lúc ghi nhận nợ phải thu

Có TK 711: Chênh lệch khi giá thanh toán > giá lúc ghi nhận nợ

(6). Xuất vàng bạc, kim khí, đá quý để thanh toán nợ:

Nợ TK 331: Theo giá lúc ghi nhận nợ phải trả

Nợ TK 811: Chênh lệch khi giá thanh toán < giá lúc ghi nhận nợ

Có TK 1113: Theo giá thực tế xuất

Có TK 711: Chênh lệch khi giá thanh toán > giá lúc ghi nhận nợ.

1.3. Kế toán tiền gửi ngân hàng:

1.3.1. Nguyên tắc kế toán tiền gửi ngân hàng:

- Căn cứ để hạch toán trên TK 112- Tiền gửi ngân hàng là các giấy báo có, giấy báo nợ hoặc bảng sao kê của ngân hàng đính kèm theo các chứng từ gốc: Ủy nhiệm thu, ủy nhiệm chi, séc chuyển khoản, séc bảo chi...

Khi nhận được của ngân hàng chuyển đến kế toán phải kiểm tra đối chiếu với chứng từ gốc kèm theo.

- Nếu có sự chênh lệch giữa số liệu trên sổ kế toán của doanh nghiệp, số liệu với chứng từ gốc và số liệu trên chứng từ của ngân hàng thì doanh nghiệp phải thông báo cho ngân hàng để cùng đối chiếu, xác minh và xử lý kịp thời. Cuối tháng chưa xác định được nguyên nhân chênh lệch thì số liệu kế toán ghi sổ theo số liệu của ngân hàng theo giấy báo nợ, báo có hoặc bảng sao kê.

+ Nếu số liệu của sổ kế toán > số liệu của ngân hàng: Ghi có TK 138 (1388)- Phải thu khác.

+ Nếu số liệu của sổ kế toán < số liệu trên của ngân hàng: Ghi có TK 338- Phải trả, phải nộp khác.

Sang tháng sau tiếp tục kiểm tra, đối chiếu, xác minh nguyên nhân để điều chỉnh số liệu ghi sổ.

- Ở những doanh nghiệp có các tổ chức, bộ phận phụ thuộc, không thuộc tổ chức kế toán, có thể mở tài khoản chuyên thu, chuyên chi hoặc mở tài khoản thanh toán phù hợp để thuận tiện giao dịch, thanh toán. Kế toán phải mở sổ chi tiết theo từng loại tiền gửi.

- Nếu doanh nghiệp mở TK ở nhiều ngân hàng thì phải hạch toán chi tiết số tiền gửi theo từng ngân hàng để thuận tiện cho việc kiểm tra đối chiếu.

- Trường hợp gửi tiền vào ngân hàng bằng ngoại tệ thì phải được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế hay tỷ giá bình quân liên ngân hàng do ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh. Nếu mua ngoại tệ gửi vào ngân hàng thì phản ánh theo tỷ giá thực tế phải trả.

- TGNH của doanh nghiệp nếu dùng để ký cược, ký quỹ mở L/C nhập khẩu... có nghĩa là doanh nghiệp không được phép chi khoản tiền gửi này cho mục đích khác thì kế toán phải chuyển từ quỹ sang khoản thế chấp, ký cược, ký quỹ ngắn hạn (TK 144) hay dài hạn (TK 244).

- Trường hợp rút TGNH bằng ngoại tệ thì được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá phản ánh trên sổ kế toán TK 112 theo một trong các phương pháp: Bình quân gia quyền, LIFO, FIFO, thực tế đích danh.

- Trong quá trình sản xuất kinh doanh (bao gồm cả hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản của doanh nghiệp). Trường có các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ, nếu có phát sinh chênh lệch tỷ giá hối đoái thì các khoản chênh lệch này hạch toán vào bên Có TK 515 nếu lãi tỷ giá, hoặc bên Nợ TK 635 nếu lỗ tỷ giá.

- Các nghiệp vụ phát sinh trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản (giai đoạn trước hoạt động) nếu có phát sinh chênh lệch tỷ giá hối đoái thì các khoản chênh lệch này được hạch toán vào TK 413.

- Phải tổ chức hạch toán chi tiết số tiền gửi theo từng tài khoản ở ngân hàng để tiện cho việc kiểm tra đối chiếu.

1.3.2. Tài khoản sử dụng:

Kế toán sử dụng **TK 112- Tiền gửi ngân hàng** có kết cấu và nội dung phản ánh:

Bên nợ:

- Các khoản tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí, đá quý gửi vào ngân hàng.
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái tăng do đánh giá lại số dư tiền gửi ngoại tệ cuối kỳ (Đối với tiền gửi ngoại tệ).

Bên có:

- Các khoản tiền mặt, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí, đá quý rút ra từ ngân hàng.
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái giảm do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ (Đối với tiền gửi ngoại tệ).

Số dư bên nợ: Số tiền mặt, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí, đá quý hiện còn gửi ở ngân hàng.

1.3.3. Nguyên tắc kế toán tiền gửi Việt Nam:

1.3.3.1. Tài khoản sử dụng:

TK 1121- Tiền Việt Nam: Phản ánh số tiền gửi vào, rút ra và hiện đang gửi tại ngân hàng bằng đồng Việt Nam.

1.3.3.2. Phương pháp kế toán tiền gửi Việt Nam: Được thể hiện qua **sơ đồ 1.3**

1.3.4. Nguyên tắc kế toán tiền gửi ngoại tệ:

1.3.4.1. Nguyên tắc kế toán tiền gửi ngoại tệ:

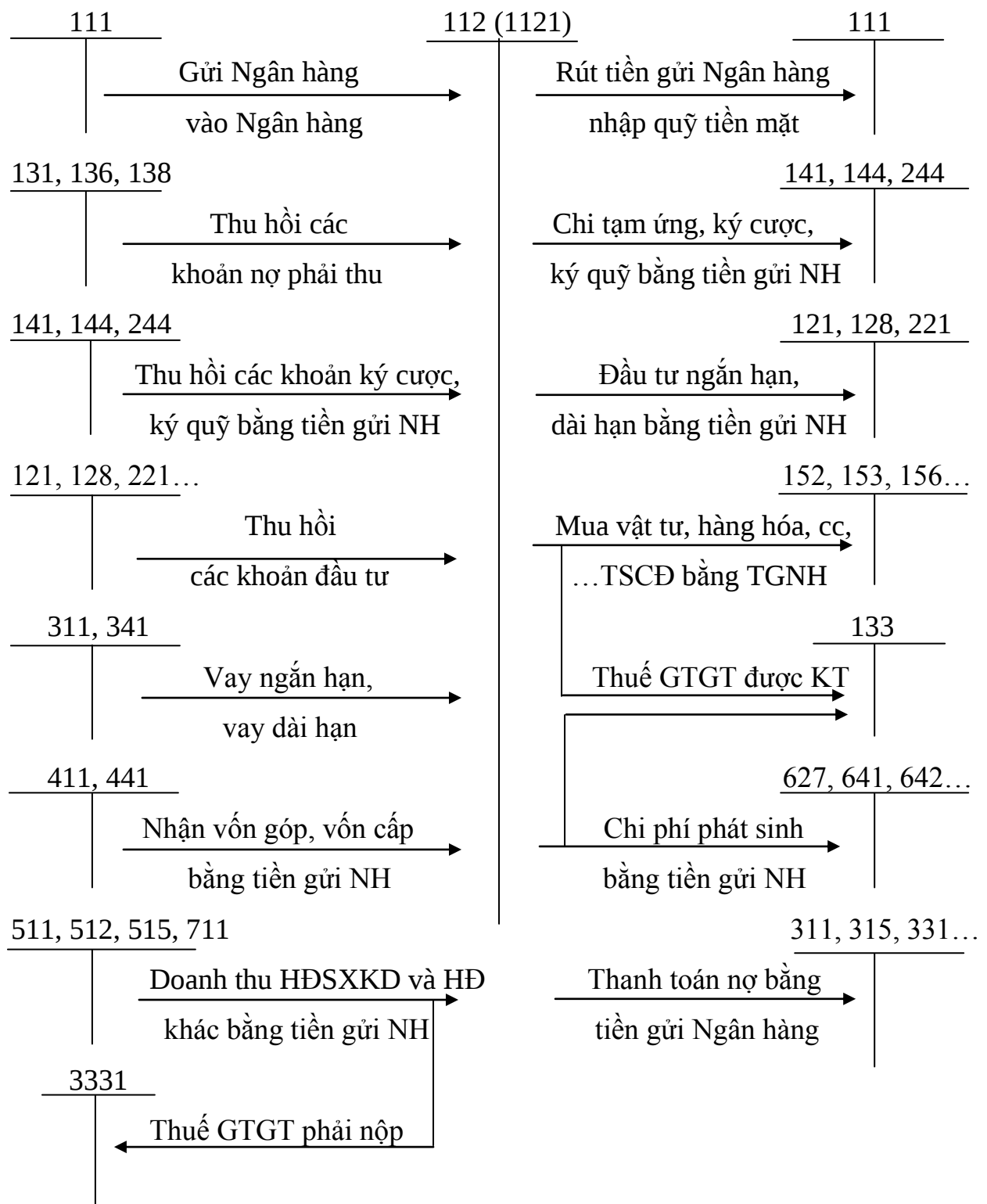
Nguyên tắc kế toán tiền gửi ngoại tệ tương tự như nguyên tắc kế toán ngoại tệ tại quỹ tiền mặt.

1.3.4.2. Tài khoản sử dụng:

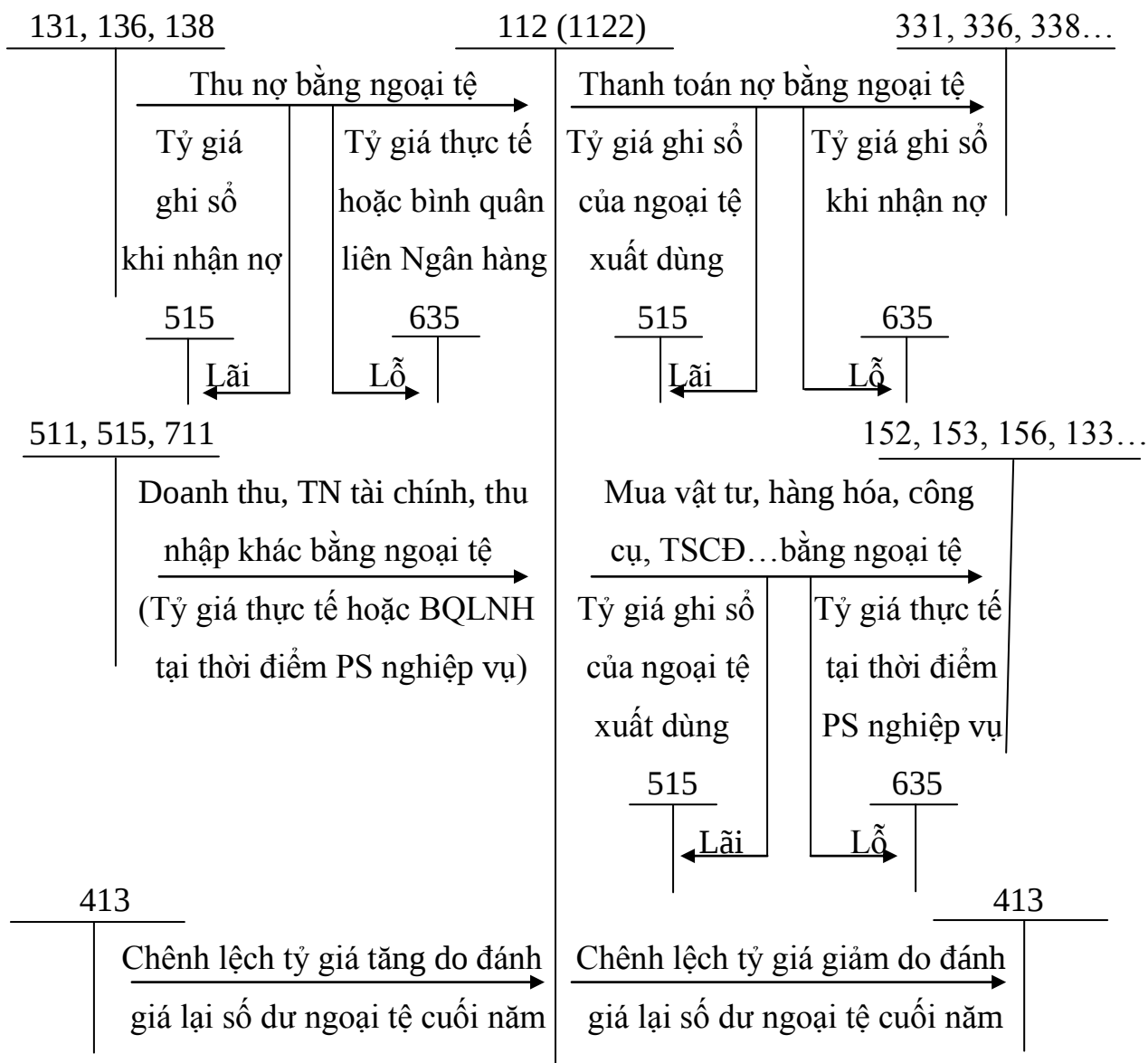
TK 1122- Ngoại tệ: Phản ánh số tiền gửi vào, rút ra và hiện đang gửi tại ngân hàng bằng ngoại tệ các loại đã quy đổi ra đồng Việt Nam.

1.3.4.3. Phương pháp kế toán tiền gửi ngoại tệ: Được thể hiện qua **sơ đồ 1.4**

Sơ đồ 1.3. Kế toán tiền gửi Ngân hàng (VNĐ)



Sơ đồ 1.4 Kế toán tiền gửi ngân hàng ngoại tệ



Tất cả các nghiệp vụ trên đều phải đồng thời ghi đơn TK 007 - Ngoại tệ các loại.

007	
Thu nợ bằng ngoại tệ	Thanh toán nợ bằng ngoại tệ
- Doanh thu, TN tài chính,	- Mua vật tư, hàng hóa, công
TN khác bằng ngoại tệ	cụ, TSCĐ... bằng ngoại tệ

1.4. Tiền đang chuyển:

1.4.1. Nguyên tắc kế toán tiền đang chuyển:

Tiền đang chuyển là các khoản tiền của doanh nghiệp đã nộp vào ngân hàng, kho bạc Nhà nước hoặc đã gửi vào bưu điện để chuyển cho ngân hàng nhưng chưa nhận được giấy báo có hay bản sao kê của ngân hàng.

Tiền đang chuyển gồm tiền Việt Nam và ngoại tệ, phát sinh trong các trường hợp sau:

- Doanh nghiệp nộp tiền mặt hay séc vào ngân hàng nhưng chưa nhận được giấy báo có của ngân hàng.
- Chuyển tiền qua bưu điện trả cho đơn vị khác nhưng ngân hàng chưa nhận được tiền.
- Thu tiền bán hàng nộp thuế ngay cho kho bạc.

1.4.2. Tài khoản sử dụng:

TK 111- Tiền đang chuyển

Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 113:

Bên nợ

- Các khoản tiền Việt Nam, ngoại tệ, séc đã nộp vào ngân hàng hoặc đã chuyển bưu điện để chuyển vào ngân hàng.
- Chênh lệch tăng tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ tiền đang chuyển cuối kỳ.

Bên có

- Số kết chuyển vào TK 112- tiền gửi hoặc các tài khoản có liên quan
- Chênh lệch giảm tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ tiền đang chuyển cuối kỳ.

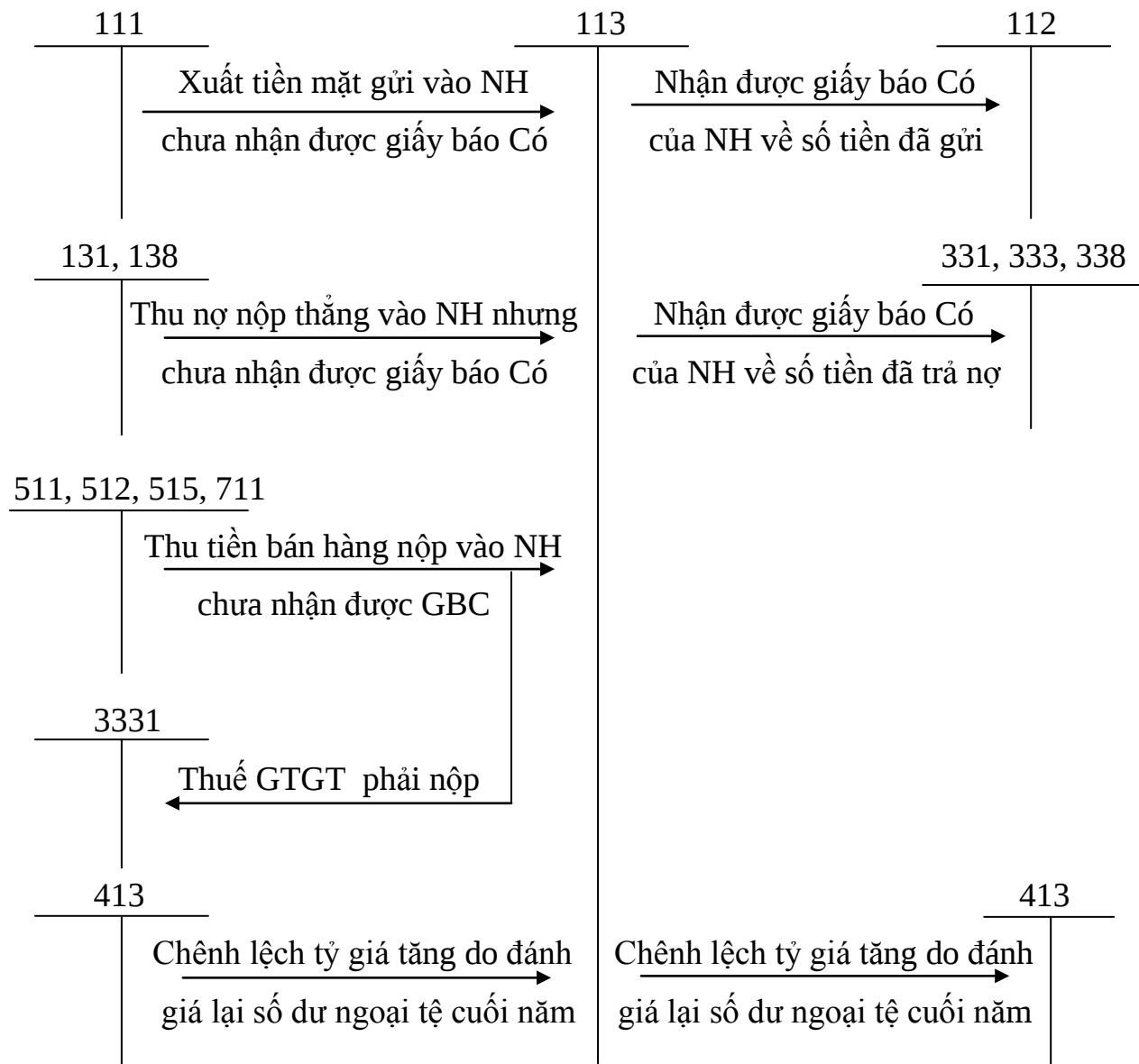
Số dư bên Nợ

Các khoản tiền còn đang chuyển.

Tài khoản 113 có 2 tài khoản cấp 2:

- TK 1131 “Tiền Việt Nam”: Phản ánh số tiền Việt Nam đang chuyển
- TK 1132 “Tiền ngoại tệ”: Phản ánh số ngoại tệ đang chuyển.

1.4.3. Phương pháp kế toán tiền đang chuyển: Được thể hiện qua sơ đồ sau:



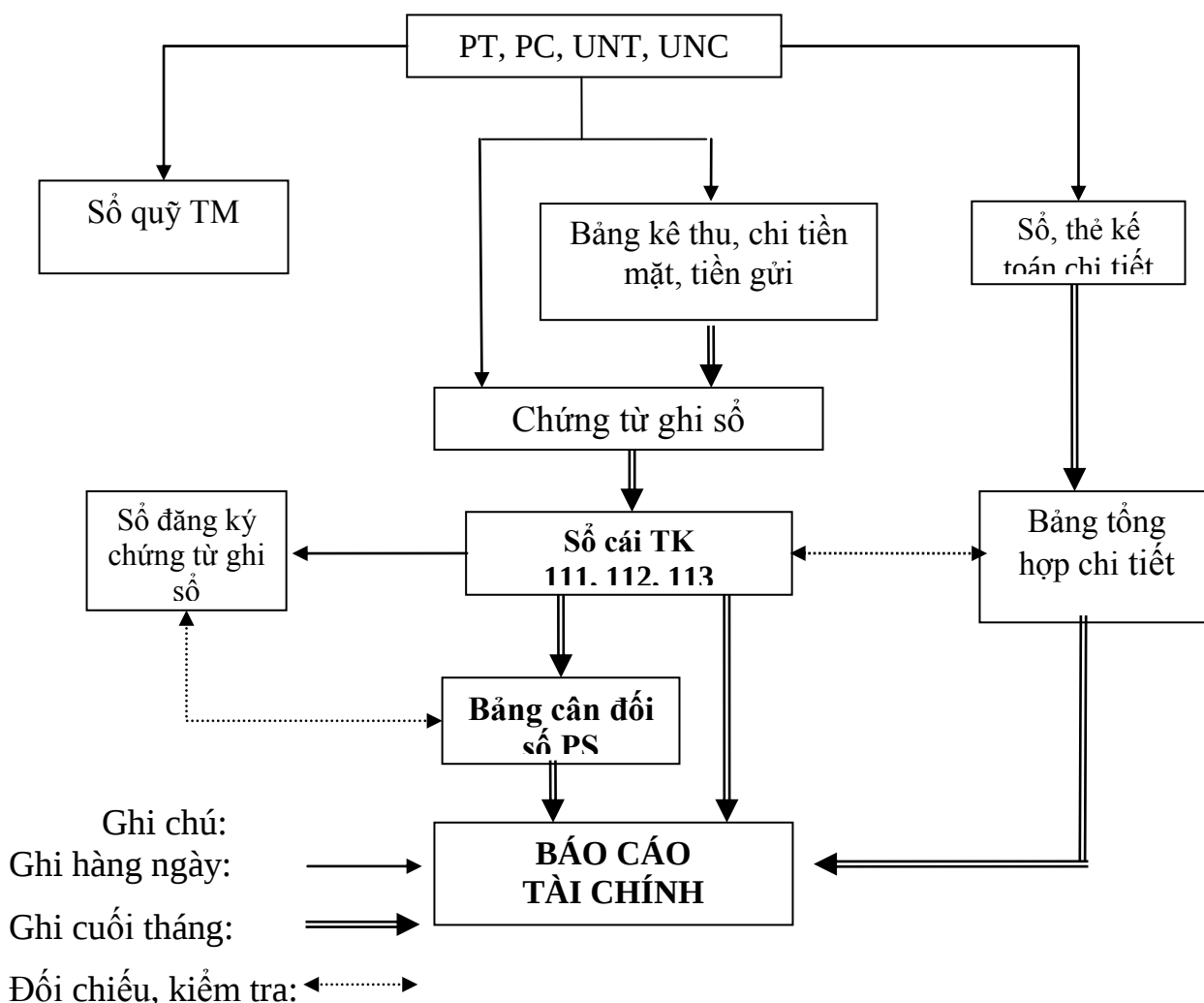
Sơ đồ 1.5. Kế toán tiền đang chuyển.

1.5. Các hình thức ghi sổ kế toán vốn bằng tiền:

1.5.1. Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ:

Trình tự ghi sổ kế toán vốn bằng tiền theo hình thức chứng từ ghi sổ:

- Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ gốc như phiếu thu, phiếu chi, uỷ nhiệm thu, uỷ nhiệm chi... hoặc bảng kê thu chi tiền kế toán lập chứng từ ghi sổ. Căn cứ vào chứng từ ghi sổ để ghi vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, sau đó dùng để ghi sổ cái tài khoản 111, 112, 113. Các chứng từ gốc sau khi làm căn cứ lập chứng từ ghi sổ được dùng để vào sổ, thẻ kế toán chi tiết.
- Cuối tháng phải khoá sổ tính ra tổng số tiền của các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh trong tháng trên sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, tính ra tổng số phát sinh Nợ, tổng số phát sinh Có và số dư của TK 111, 112, 113 trên sổ cái. Căn cứ vào sổ cái lập bảng Cân đối sổ phát sinh.
- Sau khi đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và Bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ kê toán chi tiết) được dùng để lập Báo cáo tài chính.

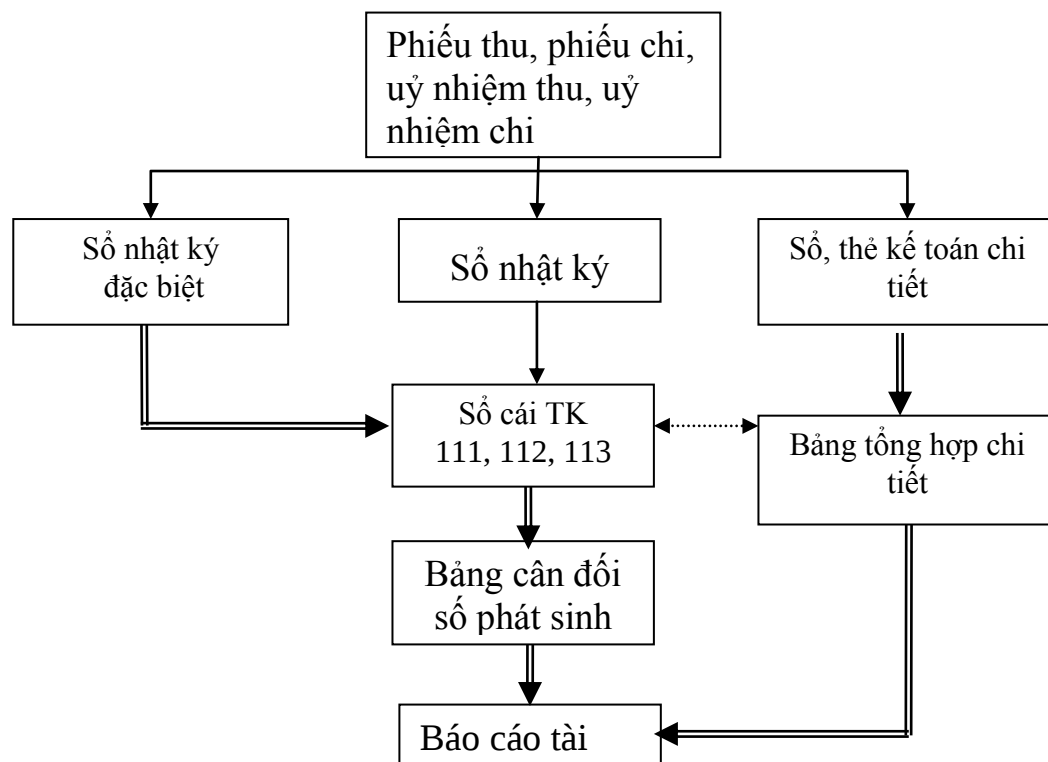


Sơ đồ 1.6 Trình tự ghi sổ kế toán vốn bằng tiền theo hình thức chứng từ ghi sổ

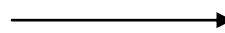
1.5.2. Hình thức kế toán nhật ký chung:

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ dùng làm căn cứ ghi sổ: Phiếu thu, phiếu chi, uỷ nhiệm thu, uỷ nhiệm chi... trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để vào Sổ Cái TK 111, 112, 113 phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ kế toán chi tiết liên quan.

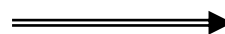
- Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ Cái TK 111, 112, 113, lập Bảng cân đối phát sinh.
- Sau khi kiểm tra đối chiếu khớp đúng số liệu ghi trên Sổ Cái TK 111, 112, 113 và Bảng Tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ kế toán chi tiết) được dùng để lập Báo cáo tài chính.



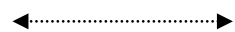
Ghi hàng ngày



Ghi cuối tháng hoặc ghi định kỳ



Quan hệ đối chiếu

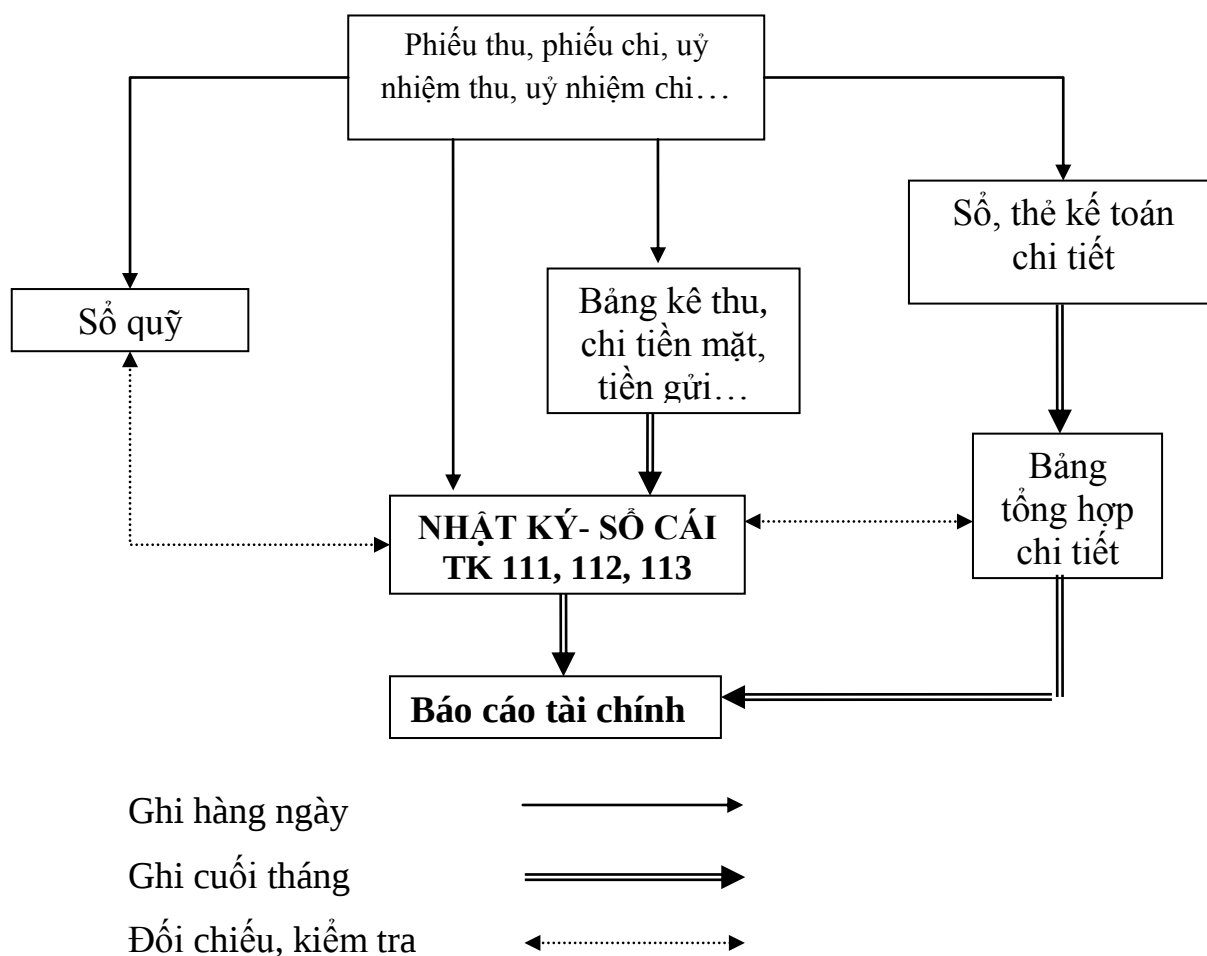


Sơ đồ 1.7 Trình tự kế toán vốn bằng tiền theo hình thức nhật ký chung

1.5.3. Hình thức sổ kế toán Nhật ký- sổ cái:

Trình tự ghi sổ kế toán vốn bằng tiền theo hình thức nhật ký sổ cái được thể hiện qua **sơ đồ 1.8** dưới đây.

- Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ gốc: Phiếu thu, phiếu chi, uỷ nhiệm thu, uỷ nhiệm chi... hoặc Bảng tổng hợp chứng từ gốc: Bảng kê thu, chi tiền, kế toán ghi vào Nhật ký sổ cái, sau đó vào sổ, thẻ kế toán chi tiết.
- Cuối tháng, phải khoá sổ và tiến hành đối chiếu khớp đúng số liệu giữa Nhật ký- Sổ cái và Bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết).

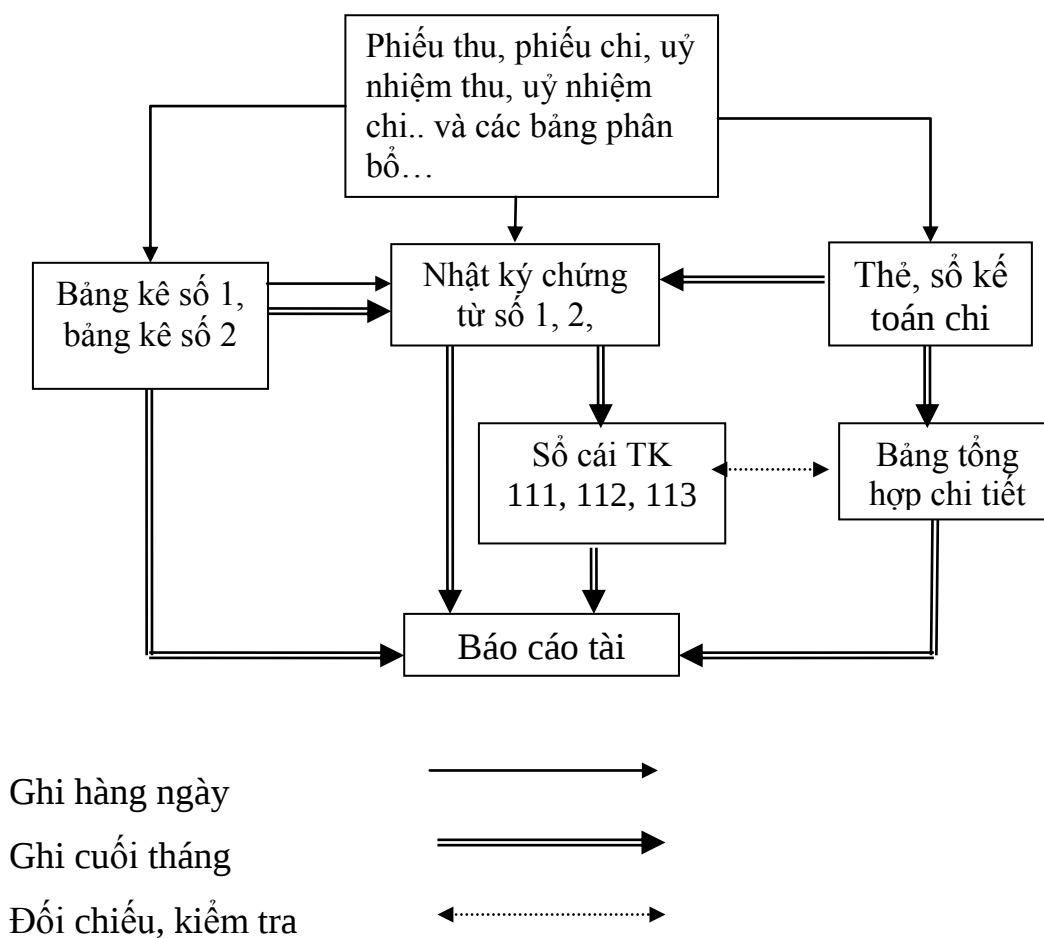


Sơ đồ 1.8: Trình tự ghi sổ kế toán vốn bằng tiền theo hình thức nhật ký- sổ cái

1.5.4. Hình thức kế toán Nhật ký chứng từ:

Trình tự ghi sổ kế toán vốn bằng tiền theo hình thức kế toán Nhật ký chứng từ thể hiện qua **sơ đồ 1.9** dưới đây.

- Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ gốc: Phiếu thu, phiếu chi, uỷ nhiệm thu, uỷ nhiệm chi... đã được kiểm tra lấy số liệu ghi trực tiếp vào các Nhật ký chứng từ hoặc Bảng kê, sổ chi tiết có liên quan.
- Cuối tháng khoá sổ, cộng số liệu trên các Nhật ký chứng từ, kiểm tra đối chiếu số liệu trên các Nhật ký chứng từ với các sổ kế toán chi tiết, bảng tổng hợp chi tiết có liên quan và lấy số liệu tổng cộng của các Nhật ký chứng từ ghi trực tiếp vào Sổ cái TK 111, 112, 113.
- Số liệu tổng cộng ở Sổ Cái và một số chỉ tiêu chi tiết trong Nhật ký chứng từ, Bảng kê và các Bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập Báo cáo tài chính.

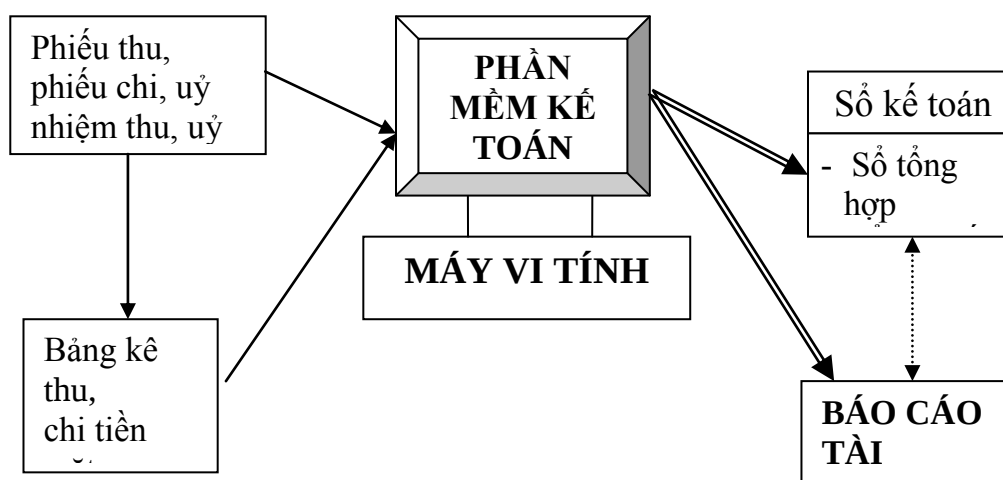


Sơ đồ 1.9 Trình tự kế toán vốn bằng tiền theo hình thức Nhật ký chứng từ

1.5.5. Hình thức kế toán máy:

Trình tự ghi sổ kế toán vốn bằng tiền theo hình thức kế toán trên máy vi tính được thể hiện theo **sơ đồ 1.10** sau:

- Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ gốc: Phiếu thu, phiếu chi, uỷ nhiệm thu, uỷ nhiệm chi... hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại: Bảng kê thu, chi tiền mặt, tiền gửi... đã được kiểm tra, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng, biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán.
- Theo quy trình của phần mềm kế toán, các thông tin được nhập vào máy theo từng chứng từ và tự động nhập vào sổ kế toán tổng hợp và các sổ, thẻ kế toán chi tiết có liên quan.
- Cuối tháng, kế toán thực hiện khoá sổ và lập báo cáo tài chính.
- Cuối kỳ kế toán, sổ kế toán được in ra giấy, đóng thành quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định về sổ kế toán ghi bằng tay.



Nhập số liệu hàng ngày $\longrightarrow$

In sổ, báo cáo cuối tháng $\Longrightarrow$

Đối chiếu kiểm tra $\longleftrightarrow$

Sơ đồ 1.10: Trình tự kế toán vốn bằng tiền theo hình thức kế toán máy.

Chương 2:

THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY TNHH HÙNG THẮNG

2.1: Tổng quan về công ty TNHH Hùng Thắng.

2.1.1: *Quá trình hình thành và phát triển của công ty TNHH Hùng Thắng .*

Công ty TNHH Hùng Thắng là Công ty được thành lập ngày 12 tháng 01 năm 2004 và Đăng ký thay đổi lần thứ ba theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh Công ty Trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên số 0200575862 của Phòng Đăng ký Kinh Doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng.

Tên doanh nghiệp: **CÔNG TY TNHH HÙNG THẮNG**

Tên tiếng anh: Hung Thang Limited Company

Trụ sở giao dịch: Số 57 - Lê Thánh Tông - Ngô Quyền - Hải Phòng.

Điện thoại : 0313. 752367 Fax: 0313. 752367

Vốn điều lệ: 2.500.000.000

Công ty TNHH Hùng Thắng là doanh nghiệp tư nhân hoạt động theo luật Doanh nghiệp, có tư cách pháp nhân, hạch toán kinh tế độc lập, được mở tài khoản tại Ngân hàng Công thương và có con dấu riêng để giao dịch. Công ty còn được quyền mở rộng sản xuất kinh doanh theo quy định của pháp luật hiện hành.

Lĩnh vực sản xuất kinh doanh của Công ty:

- Xây dựng công trình dân dụng
- Bán buôn sắt thép
- Đại lý mua bán hàng hoá
- Vận tải hành khách đường thuỷ, nội địa
- Vận tải hàng hoá bằng đường bộ

Công ty được thành lập để huy động và sử dụng vốn phục vụ sản xuất, kinh doanh có hiệu quả cao, tạo công ăn việc làm cho người lao động, tăng lợi nhuận và không ngừng đóng góp cho ngân sách nhà nước theo luật định, phát triển công ty ngày càng vững mạnh trên các lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh.

Trong những năm tới, phương hướng phát triển của công ty là đổi mới, bố trí lại máy móc thiết bị cho phù hợp với sản xuất. Công ty đang tiến hành mở rộng quy mô sản xuất, thu nhận thêm nhiều công nhân nữa tạo điều kiện giúp họ có công ăn việc làm để tự nuôi sống bản thân cũng như gia đình.

2.1.2: Những khó khăn, thuận lợi và thành tích đạt được của công ty trong quá trình hoạt động

➤ Những khó khăn của Doanh nghiệp

Nền kinh tế hội nhập tạo ra nhiều cơ hội cho các doanh nghiệp tuy vậy cũng tạo ra không ít các thách thức, vì vậy doanh nghiệp phải phấn đấu để theo kịp với xu thế của thời đại cũng như tạo chỗ đứng vững chắc trên thị trường.

Vì mới được thành lập nên công ty sẽ gặp nhiều khó khăn trong công tác quản lý cũng như trong hoạt động kinh doanh vì chưa có nhiều kinh nghiệm cũng như những mối quan hệ làm ăn lâu dài.

Trên thị trường đã có nhiều doanh nghiệp có tên tuổi trong ngành nên doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn trong việc cạnh tranh.

Do biến động giá cả trên thị trường nên doanh nghiệp kinh doanh hiệu quả chưa cao, trong năm chưa nắm bắt được thị trường, thu hút khách hàng còn hạn chế.

Để khắc phục những khó khăn đó công ty phải không ngừng tăng cường nâng cao chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ công nhân viên để từ đó tạo ra đội ngũ nhân viên vừa nhiệt huyết vừa có chuyên môn. Bên cạnh đó công ty cũng không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ để thu hút bạn hàng cũng như tạo được thương hiệu trên thị trường.

➤ Những thuận lợi trong nền kinh tế thị trường

Với nền kinh tế hội nhập, cơ chế mở cửa thông thoáng, nền hành chính được cải cách tạo nhiều cơ hội phát triển cho các doanh nghiệp nói chung và công ty TNHH Hùng Thắng nói riêng.

Với lĩnh vực vận tải hành khách đường thủy, nội địa công ty có rất nhiều thuận lợi vì nằm trên địa bàn Hải Phòng- một trong những cảng biển lớn nhất của Việt Nam.

Hơn nữa, công ty đang dần nắm bắt được những công nghệ kỹ thuật tiên tiến để ngày càng nâng cao chất lượng hàng hoá dịch vụ của mình.

Một yếu tố không thể thiếu giúp công ty phát triển đó là sự nhiệt tình, sự phấn đấu nỗ lực không mệt mỏi và đầy trách nhiệm của đội ngũ nhân viên trong công ty.

➤ **Thành tích cơ bản doanh nghiệp đạt được**

Là một doanh nghiệp mới thành lập nhưng công ty TNHH Hùng Thắng đang có những bước phát triển mạnh mẽ, công ty luôn ổn định nguồn hàng trên thị trường, cơ sở vật chất, bến bãi được nâng cấp, đầu tư mới đảm bảo yêu cầu về kỹ thuật và an toàn lao động. Công ty luôn làm tròn nghĩa vụ đóng góp ngân sách Nhà nước và quan tâm đến đời sống vật chất, tinh thần của người lao động.

Có thể đánh giá tình hình phát triển của công ty qua một số chỉ tiêu cơ bản sau :

Bảng số 1.1: Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty trong 2 năm (2008 - 2009)

Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2009 so với năm 2008	
			Chênh lệch	%
Doanh thu	25.595.434.332	27.212.166.196	1.616.731.864	6,32
Giá vốn	25.119.817.368	26.695.664.927	1.575.847.559	6,27
LN sau thuế	8.577.848	10.366.009	1.788.161	20,85

(Nguồn : Phòng kế toán)

Qua bảng số liệu trên ta thấy doanh thu của công ty tăng từ 25.595.434.332 đồng lên 27.212.166.196 đồng tức là tăng 1.616.731.864 đồng tương ứng với 6,32 %. Giá vốn từ 25.119.817.368 đồng tăng lên 26.695.664.927 đồng tức là tăng 1.575.847.559 đồng tương ứng với 6,27%. Lợi nhuận tăng từ 8.577.848 đồng lên 10.366.009 đồng tức là tăng 1.788.161 đồng tương ứng với 20,85 %.

Các chỉ tiêu khác của Công ty cũng có xu hướng biến động tích cực.

Như vậy có thể khẳng định rằng mặc dù đứng trước thử thách của nền kinh tế thị trường, ngoài những chức năng nhiệm vụ của mình công ty còn tổ chức kinh doanh và đã nhanh chóng tiếp cận cơ chế quản lý kinh tế mới để vươn lên đạt được những thành tích đáng kể. Điều đó khẳng định được xu thế phát triển vững chắc

của doanh nghiệp. Tất nhiên duy trì củng cố và phát triển được thế mạnh đó phần nhiều vẫn còn đang chờ đợi ở phía trước, đòi hỏi ban lãnh đạo doanh nghiệp phải không ngừng đổi mới tư duy để giúp doanh nghiệp phù hợp với những yêu cầu, những nguyên tắc khắt khe của nền kinh tế thị trường

- **Phòng kỹ thuật và an toàn lao động:** Có nhiệm vụ tham mưu, quản lý về kỹ thuật của các dự án, các hợp đồng. Ngoài ra còn chịu trách nhiệm về kỹ thuật an toàn lao động.

- **Phòng bảo vệ:** Có nhiệm vụ bảo vệ các tài sản của công ty

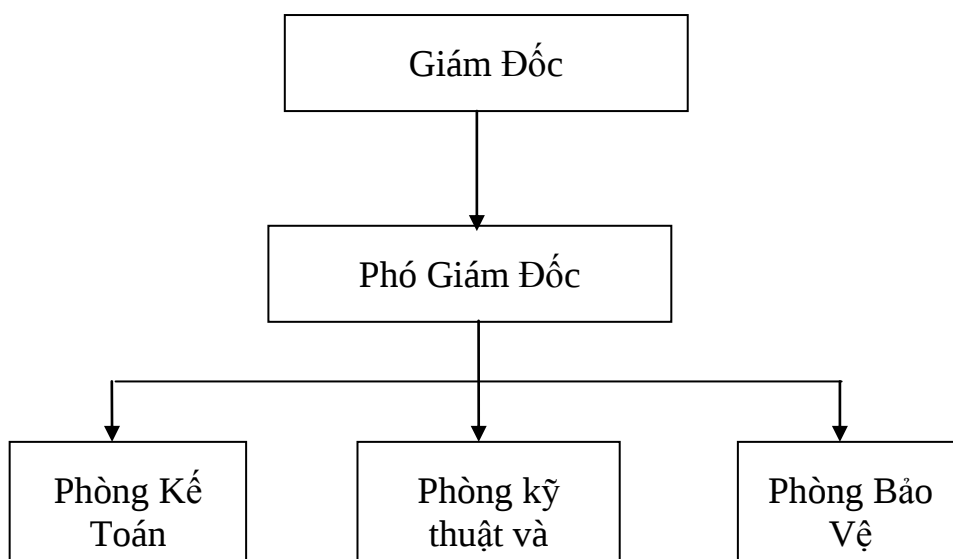
2.1.4: Tổ chức công tác kế toán và bộ máy kế toán của công ty.

➤ Tổ chức bộ máy của công ty.

Cơ cấu tổ chức có vai trò rất quan trọng trong hoạt động kinh doanh của công ty. Một cơ cấu tổ chức hợp lý khoa học và gọn nhẹ, phân công cụ thể quyền hành và trách nhiệm rõ ràng sẽ tạo nên một môi trường làm việc thuận lợi cho mỗi cá nhân nói riêng và các bộ phận nói chung.

Hiện nay cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Công ty TNHH Hùng Thắng được xây dựng và tổ chức theo mô hình trực tuyến chức năng. Giám đốc trực tiếp điều tiết quá trình kinh doanh của doanh nghiệp thông qua các bộ phận chức năng có nhiệm vụ tư vấn, giúp việc cho các Giám đốc trong quá trình ra các quyết định kinh doanh.

Sơ đồ 01: Bộ máy quản lý của công ty TNHH Hùng Thắng



- **Giám đốc:** Là người trực tiếp điều hành mọi lĩnh vực sản xuất kinh doanh và các công tác khác theo đúng đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước, có nhiệm vụ điều hành doanh nghiệp làm ăn có hiệu quả, giữ và bảo toàn vốn, chịu trách nhiệm trước Nhà nước, cấp trên về kết quả kinh doanh của Công ty.

- **Phó giám đốc:** Là người giúp việc cho giám đốc, thay mặt giám đốc giải quyết các công việc khi giám đốc đi vắng, trực tiếp điều hành và chịu trách nhiệm trước giám đốc các hoạt động liên quan đến lĩnh vực mà mình phụ trách.

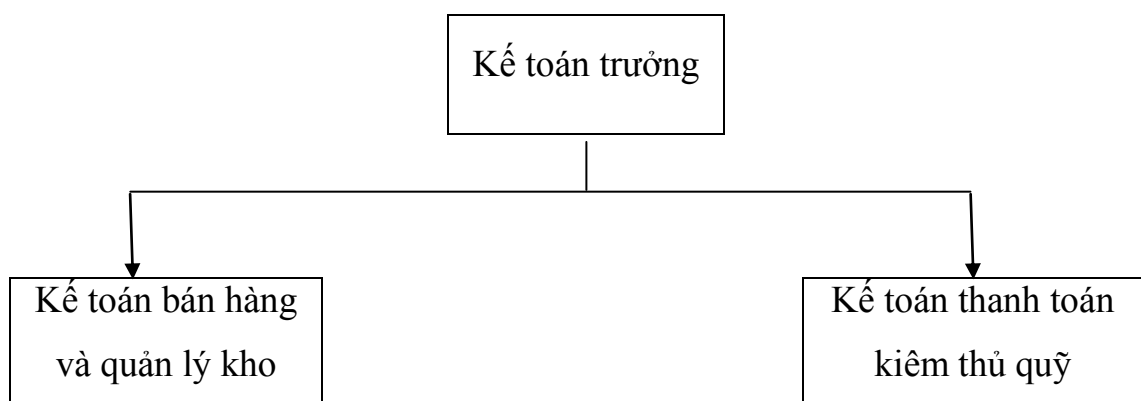
- **Phòng kế toán:** Có chức năng nhiệm vụ phản ánh với giám đốc tất cả các hoạt động của đơn vị gồm các tài sản, vật tư hàng hoá, tiền vốn. Báo cáo quyết toán tài chính quý, năm trình giám đốc phê duyệt và báo cáo các cơ quan chức năng có liên quan. Thực hiện chi trả các khoản lương và các chính sách khác đến tay người lao động. Tìm các biện pháp đáp ứng vốn kịp thời, đề xuất các biện pháp quản lý hợp lý và giúp Ban lãnh đạo Công ty có được những quyết định chính xác trong hoạt động kinh doanh.

- **Phòng kỹ thuật và an toàn lao động:** Có nhiệm vụ tham mưu, quản lý về kỹ thuật của các dự án, các hợp đồng. Ngoài ra còn chịu trách nhiệm về kỹ thuật an toàn lao động.

- **Phòng bảo vệ:** Có nhiệm vụ bảo vệ các tài sản của công ty.

➤ **Mô hình tổ chức bộ máy kế toán**

Sơ đồ 02: Bộ máy tổ chức kế toán tại công ty TNHH Hùng Thắng



- **Kế toán trưởng:** Chịu trách nhiệm trước giám đốc về việc tổ chức thực hiện công tác kế toán trong công ty, chỉ đạo chung về hoạt động của bộ máy kế toán, tổng hợp quyết toán toàn công ty, lập các báo cáo tài chính.

- **Kế toán bán hàng và quản lý kho:** Phụ trách mảng cung tiêu hàng hoá của công ty, hàng ngày tập hợp chứng từ, xử lý chứng từ đồng thời chịu trách nhiệm quản lý hàng hoá nhập- xuất- tồn kho.

- **Kế toán thanh toán kiêm thủ quỹ:** Ngoài công việc thủ quỹ còn phải chịu trách nhiệm về việc theo dõi chi tiết tình hình thanh toán với khách hàng và các nhà cung cấp, nội bộ Công ty, tiền vay của Công ty tại ngân hàng, đồng thời quản lý, lưu trữ, tập hợp các chứng từ liên quan tới việc thanh toán để ghi sổ chi tiết thanh toán, tiền vay, đồng thời căn cứ vào giá trị phải thu theo kế hoạch, chủ động lập kế hoạch thu hồi vốn, đối chiếu công nợ với các bên.

➤ Hình thức tổ chức công tác kế toán của công ty

Dựa vào tình hình thực tế của công ty, bộ máy cán bộ kế toán, để tiến hành công việc kế toán trong công ty đã chọn hình thức chứng từ ghi sổ. Đặc trưng cơ bản của hình thức này là tách rời việc ghi sổ kế toán theo trình tự thời gian và hệ thống hoá các nghiệp vụ theo tài khoản. Hình thức này thích hợp với mọi loại hình đơn vị. Sổ sách trong hình thức này bao gồm:

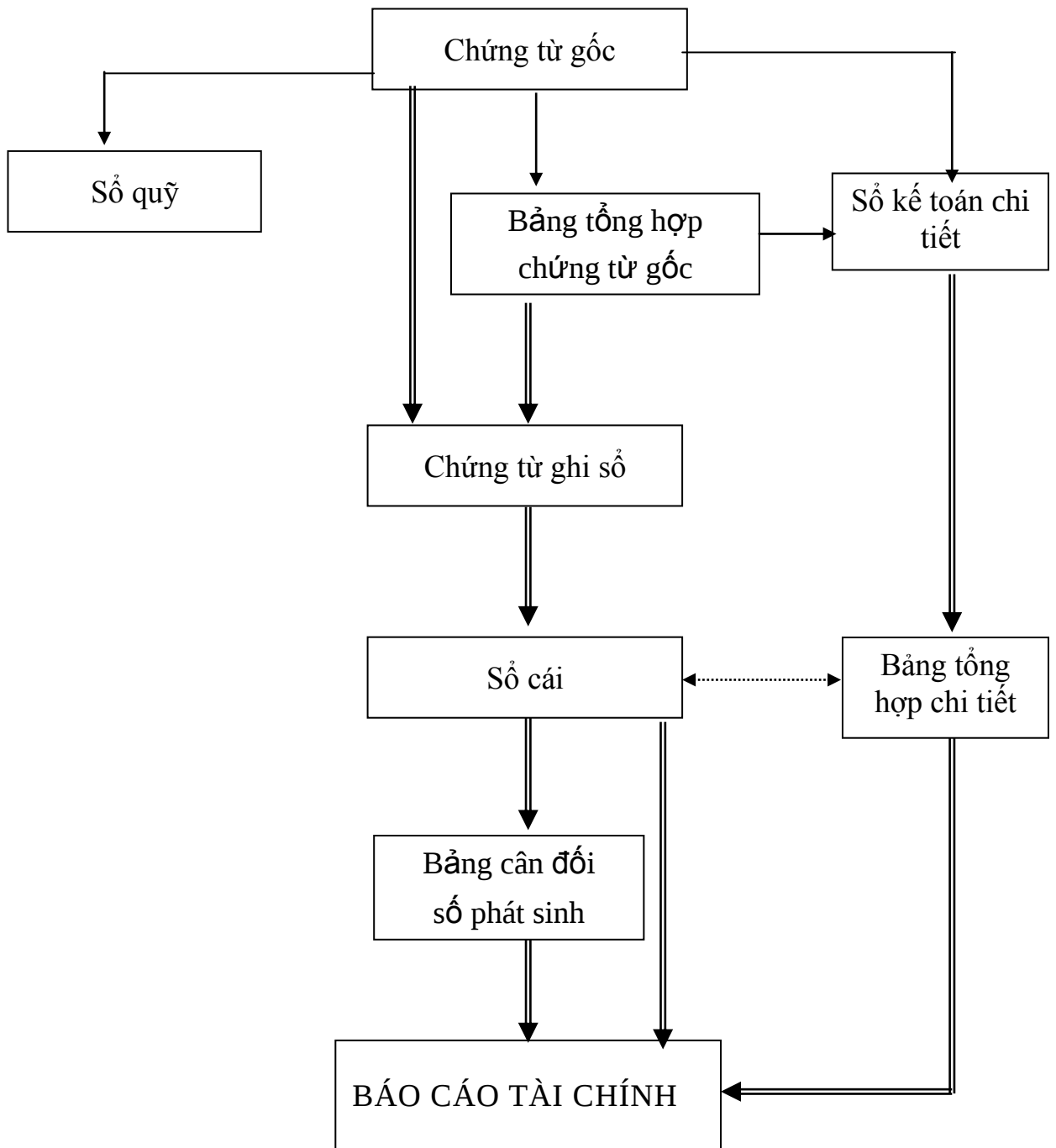
- Chứng từ ghi sổ: Là sổ kế toán kiểu tờ rời dùng để hệ thống hoá chứng từ ban đầu theo các nghiệp vụ kinh tế. Thực chất là định khoản nghiệp vụ kinh tế trên chứng từ gốc để tạo điều kiện cho việc ghi sổ cái.

- Sổ cái: Là sổ phân loại dùng để hạch toán tổng hợp. Mỗi tài khoản được phản ánh trên trang sổ cái. Căn cứ duy nhất để ghi vào sổ cái là các chứng từ ghi sổ.

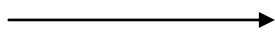
- Bảng cân đối số phát sinh: Dùng để phản ánh tình hình đầu kỳ, phát sinh trong kỳ và tình hình cuối kỳ của các loại tài khoản đã sử dụng nhằm mục đích kiểm tra tính chính xác của việc ghi chép cũng như cung cấp các thông tin cần thiết cho quản lý.

Công ty áp dụng kỳ kế toán năm là 12 tháng tính từ 01/ 01 đến hết ngày 31/12 năm Dương lịch. Đơn vị tiền tệ sử dụng là VNĐ. Kiểm kê hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên. Công ty áp dụng thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

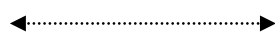
Sơ đồ 03: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức chứng từ ghi sổ



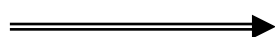
Ghi chú :



Ghi hàng ngày



Đối chiếu, kiểm tra



Ghi cuối tháng

Chứng từ gốc bao gồm: Các phiếu thu, phiếu chi, hoá đơn bán hàng.

- ❖ Sổ cái là sổ kế toán tổng hợp để ghi các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo TK kế toán được quy định trong chế độ kế toán áp dụng cho doanh nghiệp. Số liệu ghi trên sổ cái dùng để kiểm tra, đối chiếu với số liệu ghi trên bảng tổng hợp chi tiết hoặc các sổ thẻ kế toán chi tiết và dùng để lập Bảng cân đối số phát sinh và BCTC.
- ❖ Bảng cân đối số phát sinh phản ánh tổng quát tình hình tăng giảm và hiện có của tài sản và nguồn vốn của đơn vị trong kỳ báo cáo và từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo. Số liệu trên bảng cân đối số phát sinh là căn cứ để kiểm tra việc ghi chép trên sổ kế toán tổng hợp, đồng thời đối chiếu và kiểm soát số liệu ghi trên BCTC.

Trình tự hạch toán theo hình thức sổ kế toán chứng từ ghi sổ:

- Căn cứ vào chứng từ gốc, sau khi đã kiểm tra, lập chứng từ ghi sổ. Riêng chứng từ tiền mặt ghi sổ quỹ xong phải kèm theo Báo cáo quỹ, căn cứ vào báo cáo quỹ để lập chứng từ ghi sổ.
- Các nghiệp vụ hạch toán chi tiết phải đồng thời căn cứ vào các chứng từ gốc để ghi vào sổ chi tiết.
- Cuối tháng căn cứ vào chứng từ ghi sổ để ghi vào các TK có liên quan trong sổ cái.
- Cuối tháng, căn cứ vào sổ cái lập bảng cân đối số phát sinh các TK, căn cứ vào sổ chi tiết lập bảng tổng hợp các chi tiết.
- Đối chiếu số liệu giữa số cộng Bảng cân đối số phát sinh các TK với số cộng số tiền ở sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, đối chiếu số liệu ở bảng tổng hợp chi tiết với số liệu TK có liên quan ở sổ cái.
- Căn cứ vào Bảng cân đối số phát sinh, bảng tổng hợp chi tiết để lập báo cáo kế toán.

2.2: Thực trạng tổ chức công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH Hùng Thắng.

Vốn bằng tiền là một bộ phận của tài sản lưu động bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển với tính linh hoạt cao nhất.

- Vốn bằng tiền được dùng để đáp ứng nhu cầu thanh toán của Doanh nghiệp, thực hiện việc mua sắm hoặc chi phí .

Đối với tiền gửi ngân hàng thì có khả năng hạn chế rủi ro trong gửi tiền giải phóng phương thức thanh toán.

Tiền tại quỹ của công ty TNHH Hùng Thắng bao gồm tiền Việt Nam. Mọi nghiệp vụ thu chi bằng tiền mặt và việc bảo quản tiền mặt tại quỹ do thủ quỹ của doanh nghiệp thực hiện. Chứng từ sử dụng để hạch toán tiền tại quỹ gồm phiếu thu, phiếu chi.

2.2.1: Kế toán Tiền mặt.

- Hàng ngày kế toán theo dõi tiền mặt căn cứ vào các hoá đơn, chứng từ có liên quan đến Tiền mặt để hạch toán các nghiệp vụ thu Tiền mặt phát sinh trong ngày kế toán ghi:

Nợ TK 111: Tiền mặt

Có TK: Các TK có liên quan

- Phiếu thu: Để viết phiếu thu kế toán căn cứ vào các chứng từ gốc hợp lệ để viết và trước khi viết phiếu thu kế toán phải ghi sổ theo dõi quỹ TK 111. Cách viết phiếu thu do kế toán tiền mặt lập thành 2 liên, ghi đầy đủ nội dung trong phiếu thu và chữ ký, sau đó chuyển cho kế toán trưởng duyệt, chuyển cho thủ quỹ làm thủ tục nhập quỹ. Sau khi đã nhập đủ số tiền thủ quỹ ghi số thực tế nhập quỹ vào phiếu thu trước khi ký tên.

VD: Ngày 5 tháng 9 thu tiền hàng CTY KK&TMHP số tiền là 400.000.000 đồng. Nghiệp vụ này được phản ánh vào phiếu thu như sau:

Mẫu biểu số 2.1: Phiếu Thu.

Đơn vị: Cty TNHH Hùng Thắng
Địa chỉ: 57 Lê Thánh Tông-NQ-HP

Mẫu số: 01- TT
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ- BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

Phiếu thu

Ngày 5 tháng 9 năm 2009

Số: 122

Nợ: 111

Có: 131

Họ và tên người nộp tiền: CTY KK& TM HP.....

Địa chỉ:

Lý do nộp: Thanh toán tiền hàng

Số tiền: 400.000.000 (viết bằng chữ): *Bốn trăm triệu đồng chẵn*

Kèm theo ...01.....chứng từ gốc

Đã nhận đủ tiền (viết bằng chữ)

Ngày 5 tháng 9 năm 2009

Giám đốc Kế toán trưởng
(ký, họ tên, đóng dấu) (ký, họ tên)

Người lập phiếu
(ký, họ tên)

Thủ quỹ
(ký, họ tên)

Người nộp tiền
(ký, họ tên)

VD: Ngày 20 tháng 9 công ty rút TGNH nhập quỹ Tiền mặt số tiền 700.000.000 đồng. Nghiệp vụ này được phản ánh vào phiếu thu như sau:

Mẫu biểu Số 2.2: Phiếu thu.

Đơn vị: Cty TNHH Hùng Thắng
Địa chỉ: 57 Lê Thánh Tông-NQ- HP

Mẫu số: 01- TT
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ- BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

Phiếu thu

Ngày 20 tháng 9 năm 2009

Số: 124

Nợ: 111

Có: 112

Họ và tên người nộp tiền: Phạm Đức Cường

Địa chỉ:

Lý do nộp: thu tiền rút từ ngân hàng về

Số tiền : 700.000.000 (viết bằng chữ): ..*Bảy trăm triệu đồng chẵn*

Kèm theo: ...01 chứng từ gốc

Đã nhận đủ tiền (viết bằng chữ)

Ngày 20 tháng 9 năm 2009

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập phiếu	Thủ quỹ	Người nộp
tiền (ký, họ tên, đóng dấu)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)

2.2.2: Kế toán chi Tiền mặt.

- Hàng ngày kế toán theo dõi Tiền mặt căn cứ vào các chứng từ có liên quan về chi Tiền mặt để hạch toán các nghiệp vụ chi Tiền mặt phát sinh trong ngày, Kế toán ghi:

Nợ TK: Các TK có liên quan

Có TK 111: Tiền mặt

+ Phiếu chi: Căn cứ vào nghiệp vụ kinh tế phát sinh tăng giảm số tiền trong quỹ của công ty để viết phiếu chi mua hàng, Kế toán căn cứ vào yêu cầu nhiệm vụ của công ty để viết phiếu chi.

VD: Ngày 20 tháng 9 thanh toán tiền mua HĐGTGT, nghiệp vụ này phản ánh vào phiếu chi như sau:

Mẫu biểu Số 2.3: Phiếu chi.

Đơn vị: CTTNHH Hùng Thắng

Mẫu số 02-TT

Địa chỉ: 57- Lê Thánh Tông

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

Số 244:

Phiếu chi

Nợ TK 641:

Ngày 20 tháng 9 năm 2009

Có TK 111:

Họ và tên người nhận tiền: Hoàng thi Dung.....

Địa chỉ:

Lí do chi: Thanh toán tiền mua HĐGTGT

Số tiền : 15.200. Viết bằng chữ: mười lăm nghìn hai trăm đồng chẵn.

Kèm theochứng từ gốc.

Ngày 20 tháng 9 năm 2009

Giám đốc	Kế toán trưởng	Thủ quỹ	Người lập phiếu	Người nhận
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Mẫu biểu số 2.4: Hoá đơn GTGT.

Hoá đơn Giá trị gia tăng Liên2: Giao cho khách hàng <i>Ngày 20 tháng 9 năm 2009</i>				Mẫu số 01 GTKT-3LL HG/2009B 0014723	
Đơn vị bán hàng: Chi cục thuế Quận Ngô Quyền Địa chỉ: 12 Phạm Minh Đức-HP Số tài khoản : Điện thoại MST: 0200351213-002					
Họ tên người mua hàng: CTY TNHH Hùng Thắng Tên đơn vị : Địa chỉ: 57 Lê Thánh Tông-HP Số tài khoản: Hình thức thanh toán: MS: 0200575862					
STT	Tên hàng hoá, Dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
	Thanh toán mua HĐ/09		714	15.200	
Cộng tiền hàng				15.200	
Số tiền viết bằng: Mười lăm nghìn hai trăm đồng.					

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Từ hoá đơn bán hàng, kế toán sẽ lập 3 liên phiếu thu, 1 liên lưu, 2 liên còn lại giao cho thủ quỹ, sau khi thủ quỹ thu tiền xong rồi giao 1 liên cho người nộp tiền, 1 liên để ghi sổ kế toán.

VD: Ngày 1 tháng 9 nộp tiền vào TK số tiền là: 5.000.000 đồng.

Mẫu biểu số 2.5: Phiếu chi.

Đơn vị: CTTNHH Hùng Thắng

Mẫu số 02-TT

Địa chỉ: 57- Lê Thánh Tông

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

Số 233:

PHIẾU CHI

Nợ TK 112:

Ngày 1 tháng 9 năm 2009

Có TK 111:

Họ và tên: Phạm Đức Cường

Địa chỉ:

Lý do chi: Nộp tiền vào TK.....

Số tiền: 5.000.000 đồng. (Viết bằng chữ) : Năm triệu đồng chẵn

Kèm theo:chứng từ gốc.

Ngày 1 tháng 9 năm 2009

Giám đốc	Kế toán trưởng	Thủ quỹ	Người lập phiếu	Người nhận
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

VD: Ngày 6 tháng 9 trả tiền hàng cho công ty KK Mai Thủy số tiền là 98.280.000 đồng, nghiệp vụ này phản ánh như sau:

Mẫu biểu số 2.6: Phiếu chi.

Đơn vị: CTTNHH Hùng Thắng

Mẫu số 02-TT

Địa chỉ: 57- Lê Thánh Tông

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

Số 235:

PHIẾU CHI

Nợ TK 331:

Ngày 6 tháng 9 năm 2009

Có TK 111:

Họ và tên: CTY KK Mai Thủy.....

Địa chỉ:

Lí do chi: Thanh toán tiền hàng.....

Số tiền: 98.280.000 đồng. Viết bằng chữ: Chín tám triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng chẵn.

Kèm theochứng từ gốc.

Ngày 30 tháng 9 năm 2009

Giám đốc	Kế toán trưởng	Thủ quỹ	Người lập phiếu	Người nhận
<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>

Mẫu biểu số 2.7: Hoá đơn GTGT.

Hoá đơn Giá trị gia tăng Liên2: Giao cho khách hàng Ngày 6 tháng9 năm 2009				Mẫu số 01 GTKT-3LL HG/2009B 0014715	
Đơn vị bán hàng: Chi cục thuế Quận Ngô Quyền Địa chỉ: 12 Phạm Minh Đức-HP Số tài khoản: Điện thoại MST: 0200351213-002					
Họ tên người mua hàng: CTY TNHH Hùng Thắng Tên đơn vị : Địa chỉ: 57 Lê Thánh Tông-HP Số tài khoản: Hình thức thanh toán: MS: 0200575862					
STT	Tên hàng hoá, Dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
	Thép tấm	Kg	3250	28.800	93.600.000
Cộng tiền hàng:					93.600.000
Thuế suất GTGT: 5%		Tiền thuế GTGT:			4.680.000
Tổng tiền thanh toán:					98.280.000
Số tiền viết bằng: Chín tám triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng chẵn.					

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Công ty TNHH Hùng Thắng

Mẫu số S07-DN

Số 57 Lê Thánh Tông - NQ – HP

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ_BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

Sổ quỹ tiền mặt
(từ ngày 1/9 đến ngày 30/9)

Ngày tháng	Số phiếu		Diễn giải	Số tiền			Ghi chú
	Thu	Chi		Thu	Chi	Tồn	
			số dư			20.470.147	
1/9		233	Nộp tiền vào TK		5.000.000	15.470.147	
5/9	122		CTYKK&TM HP	400.000.000		415.470.147	
		234	TTTT Cấp		55.000	415.415.147	
6/9		235	CTY KK Mai thủy		98.280.000	317.135.147	
		236	CTY TNHH X/L & VLCN		66.643.403	250.491.744	
10/9	123		CTY X/L Hạ Long	5.600.000		256.091.744	
		237	TT tiền điện Sh		136.620	255.955.124	
15/9		238	TT phí VP		50.000	255.905.124	
		239	TT xăng xe		440.000	255.465.124	
16/9		240	Nộp tiền vào TK		110.000.000	145.465.124	
19/9		241	Nộp TTNDN Q3/09		3.920.000	141.545.124	
20/9	124		Rút TGNH về quỹ	700.000.000		841.545.124	
	125		CTY CP S/X &TM V.thịnh	1.642.499		843.187.623	
	126		X/N DVS/c thủy	7.519.798		850.707.421	
		242	CTY TNHH X/L & VLCN		58.604.574	792.102.847	
		243	TT tiền ĐT		358.373	791.744.474	
		244	TT mua hoá đơn		15.200	791.729.274	
		245	CN KK Đông Anh		500.000.000	291.729.274	
21/9	127		CTY TNHH VT VÍNÀLO	1.085.599		292.814.873	
	128		Rút TG về quỹ	150.000.000		442.814.873	

Hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền

Ngày tháng	Số phiếu		Diễn giải	Số tiền			Ghi chú
	Thu	Chi		Thu	Chi	Tồn	
22/9	129		CTY TNHH TM Hà Đô	686.153.014		1.128.967.887	
		246	CTY TNHH X/L & VL CN		37.040.804	1.091.927.083	
23/9		247	CTY CP Thép&VT HP		97.531.801	994.395.282	
		248	CTY CPĐT & PTKKHP		11.304.004	983.091.278	
24/9		249	Mua BH ô tô		4.350.000	978.741.278	
25/9	130		DNTN KK Hùng Khoa	8.421.799		987.163.077	
26/9	131		Rút TGNH về quỹ	100.000.000		1.087.163.077	
		250	CTy CPĐT & PTKKHP		69.519.565	1.017.643.512	
29/9	132		CTY TNHH Thiên Trường	7.181.998		1.024.825.510	
		251	CTY TNHH TM Phú Nam		655.857.877	368.967.633	
30/9		252	CTY TNHH Phú Nam		150.000.000	218.967.633	
		253	Chi lương & thưởng T9/09		14.900.000	204.067.633	
	133		CTY CK TM HP	100.000.000		304.067.633	
	134		CTY Hoàng Vũ	300.000.000		604.067.633	
	135		CTY TNHH Tuấn Lâm	200.000.000		804.067.633	
	136		DN TM T.An	274.000.000		1.076.067.633	
	137		CTY K/S C.Trình	126.000.000		1204.489.633	
		254	Trả lại CTY N. Luật		1.200.000.000	4.067.633	
			Cộng	3.067.604.707	3.084.007.221	4.067.633	

Mẫu biểu số 2.8: Sổ quỹ Tiền Mặt

Mẫu biểu số 2.9: Trích chứng từ ghi sổ

Công ty TNHH Hùng Thắng

Mẫu số S02a-DN

Sè 57 Lê Thánh Tông - NQ – HP

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

Chứng từ ghi sổ

(TK111)

Số: 0109

Ngày 30 tháng 9 năm 2009

DVT: đồng

Trích yếu	Số hiệu TKĐƯ		Số tiền	Ghi Chú
	Nợ	Có		
Tổng hợp thu tiền mặt				
Thu tiền hàng CTY KK&TMHP	111	131	400.000.000	
Rút TGNH về quỹ	111	112	700.000.000	
Thu của CTY X/L Hạ Long	111	131	5.600.000	
Rút TGNH về quỹ	111	112	50.000.000	
Rút TGNH về quỹ	111	112	100.000.000	
.....				
.....				
Cộng			3.067.604.707	

Kèm theo ...08.....chứng từ gốc

Mẫu biểu số 2.10: Trích Chứng từ ghi sổ

Công ty TNHH Hùng Thắng

Mẫu số S02a-DN

Số 57 Lê Thánh Tông - NQ – HP

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

Chứng từ ghi sổ

(TK 111)

Số: 0209

Ngày 30 tháng 9 năm 2009

DVT: đồng

Trích yếu	Số hiệu TKĐƯ		Số tiền	Ghi Chú
	Nợ	Có		
Tổng hợp chi tiền mặt				
TT phí VP	641	111	50.000	
Nộp tiền vào TK	112	111	5.000.000	
Thanh toán mua HĐGTGT	641	111	15.200	
Trả tiền cho cty TNHH Phú Nam	331	111	150.000.000	
Nộp tiền vào TK	112	111	110.000.000	
.....				
.....				
Cộng			3.084.007.221	

Kèm theo...08....chứng từ gốc

Mẫu biểu số 2.11: Sổ cái TK 111.

Sổ cái TK 111

Năm 2009

Trang:

Tên tài khoản: Tiền mặt (Trích sổ cái TK111 tháng 9 năm 2009) Số hiệu: TK 111

DVT: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu quý		20.470.147	
30/9	0109	30/9	Tổng hợp thu TM	131	400.000.000	
				112	700.000.000	
				131	5.600.000	
				112	50.000.000	
				112	100.000.000	
						
						
30/9	0209	30/9	Tổng hợp chi TM	641		50.000
				112		110.000.000
				112		5.000.000
				641		15.200
				331		98.280.000
						
			Cộng ps		3.067.604.707	3.084.007.221
			Dư cuối tháng 9		4.067.663	

Người lập

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Mẫu biểu số 2.12: Sổ cái TK 112.

SỔ CÁI TK 112

Năm 2009

Trang:

Tên tài khoản: Tiền mặt (Trích sổ cái TK112 tháng 9 năm 2009) Số hiệu: TK 111

ĐVT: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu quý		20.470.147	
30/9	0109	30/9	Nộp tiền vào TK	111	5.000.000	
30/9	1109	30/9	Lãi TGNH	515	28.079	
30/9	0209	30/9	Nộp tiền vào TK	111	110.000.000	
...		...				
						
30/9	02/9	30/9	Rút TGNH về quỹ	111		700.000.000
30/9	0309	30/9	Trả nợ vay NH	311		500.000.000
30/9	0109	30/9	Rút TGNH về quỹ	111		50.000.000
30/9	0109	30/9	Rút TGNH về quỹ	111		100.000.000
.....						
			Cộng PS		2.565.028.079	2.558.145.525
			Số dư cuối kỳ		9.342.907	

Người lập

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Mẫu biểu số 2.13: Sổ cái TK 131.

SỔ CÁI TK 131

Năm 2009

Trang:

Tên tài khoản: Phải thu của khách hàng (Trích sổ cái TK131 tháng 9 năm 2009)

Số hiệu: TK 131

ĐVT: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu quý		5.906.625.560	
30/9	0609	30/9	Doanh thu bán hàng	511	1.318.162.620	
30/9	0609	30/9	Thuế GTGT đầu ra	3331	65.908.126	
30/9	0409	30/9	CTYCPDT&KD Thép NL	112	400.000.000	
30/9	0109	30/9	Khách trả bằng TM	111		400.000.000
30/9	0109	30/9	Khách trả bằng TM	111		5.600.000
....						
			Cộng PS		2.584.070.746	3.467.604.707
			Dư cuối kỳ		5.023.091.599	

Người lập
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Mẫu biểu số 2.14: Sổ cái TK 331.

SỔ CÁI TK 331

Năm 2009

Trang:

Tên tài khoản: Phải trả người bán (Trích sổ cái TK 331 tháng 9 năm 2009)

Số hiệu: TK 331

ĐVT: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu quý			3.428.019.182
30/9	0209	30/9	Trả tiền người bán bằng TM	111	150.000.000	
30/9	0709	30/9	Trả tiền người bán bằng TGNH	112	1.100.000.000	
30/9	0409	30/9	Trả tiền CTY TNHH Hà Đô	112	500.000.000	
30/9	0909	30/9	Hàng hoá mua trong kỳ	156		2.054.993.547
.....						
			Cộng PS		2.844.782.028	2.157.743.224
			Dư cuối tháng 9			2.740.980.378

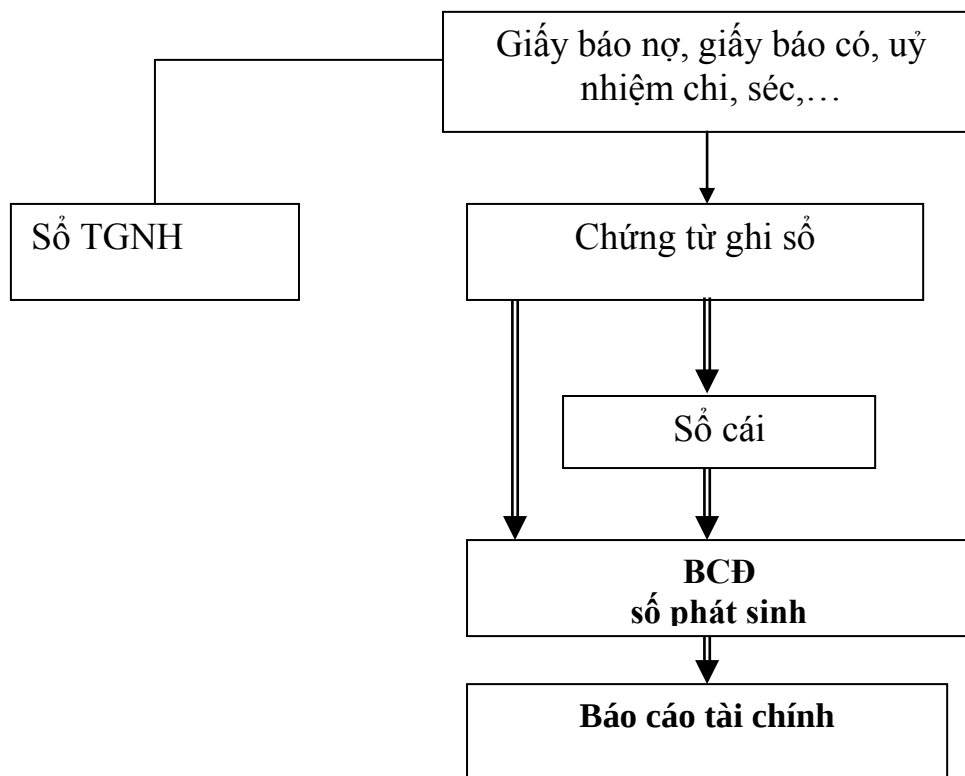
Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

2.2.2: Kế toán TGNH tại công ty .

Căn cứ vào hạch toán vào TGNH lấy giấy báo Nợ, giấy báo Có của ngân hàng hoặc bản sao kê của ngân hàng kèm theo các chứng từ gốc như uỷ nhiệm thu, uỷ nhiệm séc chuyển khoản.

Mọi khoản ghi chép về TK 112 khi có nghiệp vụ kinh tế phát sinh như gửi và rút tiền ở ngân hàng đều căn cứ vào các chứng từ gốc, giấy báo Nợ, giấy báo Có, séc chuyển khoản của ngân hàng gửi đến, kế toán ngân hàng phải xem xét có sai sót chênh lệch gì không nếu có thì phải đối chiếu giữa kế toán với ngân hàng trong thực tế 1 tháng có ít nghiệp vụ kinh tế phát sinh về TGNH do đó cách lập sổ sách về TGNH rất đơn giản theo 1 trình tự luân chuyển như sau:



- Căn cứ vào các chứng từ gốc: Uỷ nhiệm thu, uỷ nhiệm chi, giấy báo Có, chứng từ TGNH đều tiến hành hợp lệ do giám đốc và kế toán trưởng ký duyệt.

* Hình thức được công ty sử dụng:

- Uỷ nhiệm chi được chủ TK lập trên mẫu in sẵn ngân hàng chính của mình chi trả cho đơn vị được hưởng.

- Đơn vị giao hàng cho đơn vị mua sẽ lập thành 4 liên uỷ nhiệm chi nộp cho ngân hàng, kho bạc nhà nước, TK của mình trả cho bên bán.

VD: Xuất quỹ tiền mặt gửi ngân hàng Thương Mại cổ phần Hàng Hải Việt Nam.

- Ngày 16/9/2009 kế toán được lệnh xuất quỹ tiền mặt gửi vào ngân hàng thì tiến hành viết Phiếu chi.

- Sau đó khi có đủ chữ ký của người có liên quan, người nộp tiền (đại diện cho Công ty TNHH Hùng Thắng) sẽ nhận tiền từ thủ quỹ mang đến ngân hàng Thương Mại cổ phần Hàng Hải Việt Nam. Tại Ngân hàng phát hành Giấy nộp tiền ghi nhận số tiền Công ty đã nộp. Sau khi hoàn thành thủ tục gửi tiền vào Ngân hàng này người nộp tiền sẽ mang Giấy nộp tiền, cùng với phiếu chi đưa cho kế toán.

- Kế toán sẽ ghi vào Chứng từ ghi sổ, sau đó tiếp tục ghi Sổ cái TK 111, Sổ cái TK 112

Đơn vị:.....

Địa chỉ:.....

Mẫu số: 02-TT

(Ban Hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

PHIẾU CHI

Ngày 16 tháng 9 năm 2009

Số: 240

Nợ:

Có:

Họ tên người nhận tiền: *Nguyễn văn Nam*.....

Địa chỉ:

Lý do chi: *Xuất quỹ tiền mặt gửi Ngân hàng Thương Mại cổ phần Hàng Hải Việt Nam.*

Số tiền: **110.000.000** (Viết bằng chữ): *Một trăm mười triệu đồng chẵn.*

Kèm theo: 01..... Chứng từ gốc
Ngày 16 tháng 9 năm 2009

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng
dấu)

**Kế toán
trưởng**
(Ký, họ tên)

Thủ quỹ
(Ký, họ tên)

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Người nh. tiền
(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): *Một trăm mười triệu đồng chẵn*

Mẫu biểu số 2.15: Phiếu chi

Mẫu biểu số 2.16: Giấy nộp tiền

Ngân Hàng Thương Mại cổ phần Hàng Hải Việt Nam

Liên 2/ copy 2

Số/ No ... Giao người nộp

Deposito s copy

GIẤY NỘP TIỀN

Cash Deposit Slip

Ngày/Date:16/9/2009

Tài khoản có/ Credit A/C No: 02001010030342

Tên tài khoản/ Account name: **Công ty TNHH Hùng Thắng**

Số tiền bằng chữ/ Inword:**Một Trăm mười triệu đồng chẵn.**

Người nộp tiền/ Deposited by: **Hoàng Thị Dung**

Địa chỉ/ Address: **57 Lê Thánh Tông –NQ-HP**

Tại ngân hàng/ with bank: **Thương Mại cổ phần Hàng Hải Việt Nam**

Nội dung nộp/ Remarks: **Nộp vào tài khoản**

Số tiền bằng số (Amount in figures) 110.000.000đ

Người nộp tiền

Deposito s signature

Giao dịch viên

Teller

Kiểm soát viên

Supervisor

VD: Ngày 15/9/2009 Công ty CP ĐT& KD thép NL thanh toán tiền hàng bằng chuyển khoản. Công ty TNHH Hùng Thắng và Công ty CP ĐT& KD Thép NL đều mở TK tại Ngân hàng Thương Mại cổ phần Hàng Hải Việt Nam Công ty nhận Giấy báo Có.

- Từ Giấy báo Có kế toán ghi Chứng từ ghi sổ, sau đó ghi Sổ cái TK 112, TK 131.

Mẫu biểu số 2.17: Giấy báo Có

Số (Seq.No./Ref No.)0090600055338

Giấy Báo Có

Ngày (date) 15/9/2009

CREDIT ADVICE

Giờ (time) 06:01:09 PM

Chi nhánh (Branch name): chi nhánh Hai Phong

Mã số thuế (Branch VAT code): 0100233488

Mã số khách hàng : 00071335

Client No.

Số tài khoản: 02001010030342

RB A/C No.:

Tên tài khoản: Công Ty TNHH Hùng Thắng

RBA/C Name:

Nội dung: CTYCPDT&KDTHEP NHAN LUAT UNG TRUOC TIEN MUA THEP

Narrative/description

Tên và địa chỉ người chuyển:CTY CPDT&KD THEP NHAN LUAT

Ordering Name and address

Số tiền bằng chữ:

Số tiền(credit amount in figures&ccy code) VND **400.000.000**

Credit amount in words

Bốn trăm triệu đồng chẵn

Giao dịch viên/NV nghiệp vụ

Kiểm soát

User ID

GDVC10376

Override user ID

KSV10432

VD: Ngày 25/9/2009 Công ty thanh toán tiền thuê Công ty TNHH TM Hà Đô. Do là đối tác yêu cầu thanh toán tiền hàng bằng chuyển khoản tại Ngân hàng TM CP Hàng Hải Hải Phòng. Kế toán viết Ủy nhiệm chi gửi lên Ngân hàng TM CP Hàng Hải Hải Phòng.

- Từ Ủy nhiệm chi kế toán ghi Chứng từ ghi sổ đồng thời vào Sổ cái TK 112, TK 331.

Mẫu biểu số 2.18: Ủy nhiệm chi

Ngân hàng TM CP Hàng Hải VN

Liên 2: Báo Nợ Khách hàng

Chi nhánh HP

For customer Maritime Bank- operation centre

Ngày 25 tháng 9 năm 2009

Ủy nhiệm chi

APPLICATION FOR REMITTANCE

Số tiền/Amount: 500.000.000 đồng

Bằng chữ /in words: (năm trăm triệu đồng chẵn)

Nội dung/Remark: Trả tiền mua hàng

Người yêu cầu :CTY TNHH Hùng Thắng	Người hưởng:Phạm Đức Cường
APPLICAT	BENEFICIARY
SốTK/A/C/No.: 02001010030342	Số TK/A/C/No.: 02001010020781
Tại NH/w.Bank: CP TM Hàng Hải HP	Tại NH /w.Bank: CP TM Hàng Hải HP
Phần dành cho ngân hàng/for Bank use only	Người yêu cầu ký & đóng dấu/APPLICAT'S SIGNATURE(S)& STAMP
* MST Khách hàng: 0200575862	Kế toán trưởng Chủ TK
Customer's tax code	
* Tổng số ghi nợ: 50.000.000VND	
DEBIT AMOUNT	
* Phí ngân hàng: 0.00VND	
CHARGE:	
* Thuế GTGT: 0.00 VND	
V.A.T	
* Số tiền chuyển: 500.000.000 VND	
REMITTANCE AMOUNT	
Giao dịch viên	kiểm soát viên

Mẫu biểu số 2.19: Sổ tiền gửi ngân hàng

Công Ty TNHH Hùng Thắng

57 Lê Thánh Tông- NQ- HP

SỔ TIỀN GỬI NGÂN HÀNG

Nơi mở tài khoản giao dịch: Ngân hàng TM CP Hàng Hải HP

Số hiệu tài khoản tại nơi gửi: 02001010030342

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền			G C
	SH	Ngày tháng			Thu (gửi vào)	Chi (rút ra)	Còn Lại	
A	B	C	D	E	1	2	3	F
			Số dư ĐK				1.002.451	
1/9	1910	1/9	Nộp tiền vào TK	111	5.000.000			
1/9	3370	1/9	Trả lãi NH tháng 8	635		4.489.073		
14/9	9646	14/9	Trả lãi NH	635		513.378		
15/9	9325	15/9	CTY CPDT&KD Thép NL	131	400.000.000			
15/9	2230	15/9	Trả nợ vay NH(HĐ 30154)	311		397.096.711		
15/9	3993	15/9	Trả lãi NH	635		2.903.289		
16/9	7050	16/9	Nộp tiền vào TK	111	110.000.000			
16/9	3869	16/9	Trả nợ vay ngắn hạn	311		102.954.741		
20/9	4047	20/9	CTCPDT&KD Thép NL	131	800.000.000			
20/9	3045	20/9	Rút TGNH về quỹ	111		700.000.000		
21/9		21/9	Rút TGNH về quỹ	111		100.000.000		
25/9		25/9	Vay hạn mục NH	311	500.000.000			
25/9	5439	25/9	trả CTTNHHTM Hà Đô	331		500.000.000		
26/9		26/9	Trả lãi NH	635		168.333		
29/9		29/9	Vay hạn mục NH	311	600.000.000			
29/9	0030	29/9	Trả CTY TNHH H à Đô	331		600.000.000		
30/9	4466	30/9	Thanh toán phí	641		20.000		
30/9		30/9	Lãi TGNH	515	16.101			
30/9		30/9	Trả lãi NH	635		51.452		
			Cộng		2.415.016.101	2.408.145.525	7.873.027	

Ngày 30 tháng 9 năm 2009

Người ghi sổ
(Ký,Họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký ,Họ tên)

Giám đốc
(Ký ,Họ tên, đóng dấu)

Mẫu biểu số 2.20: Trích chứng từ ghi sổ.

Công ty TNHH Hùng Thắng

Mẫu số S02a-DN

Số 57 Lê Thánh Tông – NQ – HP

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

Chứng từ ghi sổ

(TK112)

Số: 0309

Ngày 30 tháng 9 năm 2009

DVT: đồng

Trích yếu	Số hiệu TKĐƯ		Số tiền	Ghi Chú
	Nợ	Có		
Doanh nghiệp TN Phương Tâm	112	131	50.000.000	
Doanh nghiệp TN Phương Tâm	112	131	100.000.000	
Lãi TGNH	112	515	11.978	
CTYCPĐT&KD thép NL	112	131	400.000.000	
Nộp tiền vào TK	112	111	110.000.000	
CTYCPĐT&KD thép NL	112	131	800.000.000	
Vay hạn mục ngân hàng	112	311	500.000.000	
.....				
Cộng			2.565.028.079	

Kèm theo chứng từ gốc

Mẫu biểu số 2.21: Trích chứng từ ghi sổ

Công ty TNHH Hùng Thắng

Mẫu số S02a-DN

Sè 57 Lê Thánh Tông - NQ - HP

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

Chứng từ ghi sổ

(TK 112)

Số: 0409

Ngày 30 tháng 9 năm 2009

ĐVT: đồng

Trích yếu	Số hiệu TKĐƯ		Số tiền	Ghi Chú
	Nợ	Có		
Rút TGNH về quỹ	111	112	50.000.000	
Rút TGNH về quỹ	111	112	100.000.000	
Trả lãi NH	635	112	4.489.073	
Trả nợ vay HĐ 30154	311	112	397.096.711	
Trả lãi NH	635	112	2.093.289	
Chi phí bằng TGNH	641	112	20.000	
Trả tiền CTY TNHH TM Hà Đô	331	112	500.000.000	
CTY CP DT&KD Thép NL	131	112	400.000.000	
.....				
Cộng			2.558.145.525	

Kèm theo chứng từ gốc

Mẫu biểu số 2.22: Sổ Cái TK 112

Sổ cái TK 112

Năm 2009

Trang:

Tên tài khoản: TGNH (Trích sổ cái TK112 tháng 9 năm 2009) Số hiệu: TK 112

ĐVT: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu quý		2.460.353	
30/9	1009	30/9	Vay ngắn hạn NH	311	1.100.000.000	
30/9	0209	30/9	Rút TGNH về quỹ	111	5.000.000	
....		...		...		
30/9	0409	30/9	Trả tiền người bán	331		500.000.000
30/9	0209	30/9	Phí NH	641		20.000
....						
			Cộng PS		2.565.028.079	2.558.145.525
			Dư cuối tháng 9		9.342.907	

Chương 3:

MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM CẢI THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY TNHH HÙNG THẮNG

3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH Hùng Thắng.

- Công ty TNHH Hùng Thắng được thành lập vào ngày 12 tháng 1 năm 2004, thời gian tồn tại và hoạt động tuy chưa nhiều nhưng công ty đã trải qua biết bao những khó khăn phức tạp để tồn tại, cạnh tranh và phát triển trong suốt những năm qua, ban lãnh đạo công ty cùng toàn thể cán bộ công nhân viên đã từng bước tháo gỡ những khó khăn, vượt qua thử thách luôn cố gắng vươn lên và càng ngày khẳng định vị thế của mình. Công ty không ngừng nâng cao trình độ quản lý, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ đội ngũ công nhân viên. Công ty đã thực hiện tốt các kế hoạch kinh doanh, những nhiệm vụ đề ra trong từng chu kỳ kinh doanh cụ thể. Chính nhờ sự nỗ lực không ngừng đó mà uy tín của công ty ngày càng nâng cao, hoạt động kinh doanh ngày càng mở rộng, đời sống của cán bộ công nhân viên ngày càng được cải thiện.

- Để có được những thành tựu đó không thể không kể đến sự đóng góp của bộ máy kế toán. Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức một cách hợp lý, hoạt động nề nếp. Các cán bộ nhiệt tình yêu nghề, tiếp cận kịp thời với kế toán hiện hành và vận dụng một cách linh hoạt sang tạo khoa học, có tinh thần tương trợ nhau trong công việc đem lại hiệu quả cao. Hơn nữa, với sự trợ giúp của máy tính, công tác của công ty đã giảm bớt tính phức tạp và khối lượng công việc, đảm bảo cung cấp thông tin cho kế toán nhanh chóng, đầy đủ chính xác, kịp thời phù hợp với các yêu cầu quản lý của công ty.

Qua thời gian tìm hiểu công tác kế toán vốn bằng tiền của công ty TNHH Hùng Thắng, em nhận thấy công tác kế toán nói chung và công tác kế toán vốn bằng tiền nói riêng tại công ty có những ưu, nhược điểm như sau:

3.1.1: Những ưu điểm.

- Về bộ máy quản lý: Công ty đã tạo được mô hình quản lý và hạch toán khoa học phù hợp với yêu cầu của nền kinh tế thị trường, bộ máy quản lý hoạt động khá nhịp nhàng.

- Về hình thức sổ kế toán: Công ty áp dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ. Hình thức này phù hợp với nhiều loại hình doanh nghiệp, hạn chế được số lượng sổ sách công kênh, giảm bớt khối lượng ghi chép, giúp cho lãnh đạo công ty thực hiện việc kiểm tra, kiểm soát mọi hoạt động sản xuất kinh doanh một cách thuận lợi và dễ dàng cung cấp thông tin kịp thời cho việc phân công công tác.

- Về tổ chức bộ máy kế toán:

* Mô hình tổ chức tập trung, với mọi nhân viên kế toán đều dưới sự kiểm soát của kế toán trưởng. Điều này tạo điều kiện cho việc kiểm tra chỉ đạo và đảm bảo sự lãnh đạo tập trung của kế toán trưởng cũng như sự chỉ đạo kịp thời của lãnh đạo công ty với toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh

* Công ty có đội ngũ kế toán giàu kinh nghiệm, có trình độ, nhiệt tình trong công việc cũng như việc nhạy bén trong việc xử lý các nghiệp vụ kinh tế phát sinh và tổng hợp những thông tin kế toán.

* Từ những việc hạch toán ban đầu đến việc kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ của các chứng từ được tiến hành một cách khá thận trọng, đảm bảo số liệu phản ánh trung thực, hợp lý, rõ ràng và dễ hiểu.

* Vốn bằng tiền là tài sản đặc biệt, là vật ngang giá chung, do vậy trong quá trình quản lý rất dễ xảy ra tham ô, lãng phí. Nhận thức được tầm quan trọng đó nên công ty luôn chấp hành các quyết định và chế độ quản lý lưu thông tiền tệ hiện hành của nhà nước là:

- Mọi biến động của vốn bằng tiền đều phải làm đầy đủ thủ tục và phải có chứng từ gốc hợp lệ.
- Việc sử dụng và chi tiêu vốn bằng tiền phải đúng mục đích, đúng chế độ.

- Tiền mặt của công ty được quản lý tại quỹ do thủ quỹ chịu trách nhiệm thu, chi. Thủ quỹ và kế toán tiền mặt độc lập lẫn nhau, chỉ thực hiện đối chiếu, kiểm tra.

- Việc nhập, xuất quỹ tiền mặt đều được dựa trên chứng từ gốc hợp lý, hợp lệ được kế toán trưởng xem xét và giám đốc công ty phê duyệt, có đầy đủ chữ ký của người nộp tiền, người nhận tiền, thủ quỹ. Sau đó mới chuyển cho thủ quỹ làm thủ tục nhập quỹ. Vì vậy không xảy ra tình trạng chi tiêu lãng phí, đảm bảo báo cáo khoản chi đều hợp lý rõ ràng.

- Về tiền gửi ngân hàng kế toán liên hệ chặt chẽ và quan hệ tốt với các ngân hàng. Tập hợp theo dõi đầy đủ các chứng từ và đối chiếu với phía ngân hàng. Lãnh đạo công ty cùng kế toán trưởng luôn giám đốc chặt chẽ việc tiến hành thu chi và quản lý tiền mặt, tiền gửi ngân hàng để đáp ứng nhu cầu thanh toán, đảm bảo cho hoạt động kinh doanh của công ty luôn được diễn ra liên tục mang lại hiệu quả cao cho công ty.

Như vậy với việc tổ chức công tác kế toán vốn bằng tiền như trên đã đáp ứng được yêu cầu của công ty đề ra là đảm bảo tính thống nhất về mặt phạm vi phương pháp tính toán các chỉ tiêu kinh tế đảm bảo số liệu kinh tế phản ánh trung thực, hợp lý, rõ ràng, dễ hiểu. Trong quá trình hạch toán hạn chế được trùng lặp trong ghi chép mà vẫn đảm bảo được tính thống nhất của nguồn số liệu ban đầu. Hơn nữa, với sự trợ giúp của máy tính, công tác kế toán của công ty đã giảm bớt tính phức tạp và khối lượng công việc kế toán. Do đó việc tổ chức công tác kế toán ở công ty là phù hợp với điều kiện của một doanh nghiệp có phạm vi hoạt động vừa phải.

3.1.2. Những nhược điểm:

- Bên cạnh những ưu điểm thì công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH Hùng Thắng vẫn còn tồn tại một số nhược điểm sau:

- Công ty vẫn chưa tận dụng được hết hình thức thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng vẫn còn thường xuyên thanh toán những khoản tiền mặt quá lớn. Việc

thanh toán tiền hàng bằng tiền mặt những khoản tiền lớn sẽ không an toàn cho quỹ tiền mặt và không kinh tế.

- Việc trả lương dồn dập vào cuối tháng khiến cần đến một khoản tiền mặt khá lớn. Điều này có thể ảnh hưởng đến dòng tiền ra của doanh nghiệp.

- Việc chứng từ sổ sách kế toán: Công ty vẫn chưa sử dụng đầy đủ hệ thống sổ sách liên quan đến hạch toán vốn bằng tiền như: Bảng kê thu tiền mặt, bảng kê chi tiền mặt, các sổ chi tiết TK 131, 331, biên bản kiểm kê quỹ, sổ đăng ký chứng từ ghi sổ...

- Kế toán những khi chưa hạch toán được kịp thời tình hình biến động tăng giảm vốn bằng tiền từ đó dẫn đến thiếu sót không chính xác. Một số kế toán viên còn thiếu kinh nghiệm và trình độ, đôi khi vẫn làm việc dựa trên hiểu biết và kinh nghiệm của bản thân.

- Mặc dù cố gắng hết sức trong việc giảm bớt khối lượng tính toán và hệ thống sổ sách nhưng việc ghi chép vẫn thực hiện thủ công, máy tính chỉ giúp phân tính toán nên khối lượng công việc mà kế toán phải làm rất vất vả và ảnh hưởng đến tiến độ công việc.

3.2. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH Hùng Thắng.

Ngày nay, kế toán không chỉ làm công việc tính toán ghi chép đơn thuần về tài sản và sự vận động của tài sản. Nó còn là một bộ phận chủ yếu của hệ thống thông tin, là công cụ quản lý thiết yếu. Dựa trên những thông tin trung thực, chính xác nhà quản trị mới có thể đưa ra những quyết định kinh doanh hữu hiệu nhất. Như vậy về mặt công cụ quản lý kinh tế, nó cung cấp thông tin cần thiết cho quản lý doanh nghiệp có hiệu quả, giúp nhà quản lý đánh giá được các hoạt động của mọi tổ chức, mọi doanh nghiệp.

Đối với doanh nghiệp, yếu tố thị trường và cơ chế quản lý có ảnh hưởng rất lớn tới tổ chức công tác kế toán. Do vậy cần phải thấy được những đặc trưng của nền kinh tế thị trường và sự tác động của các nhân tố khác với việc tổ chức công tác kế toán tìm ra các biện pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán, đáp ứng

được các yêu cầu quản lý của doanh nghiệp đặt ra. Muốn vậy việc hoàn thiện tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp nói chung và tổ chức công tác vốn bằng tiền nói riêng cần phải tuân thủ theo các yêu cầu sau:

- Phải tuân thủ chế độ tài chính và chế độ kế toán hiện hành.
- Phải phù hợp với đặc điểm kinh doanh của công ty.
- Phải tuân thủ được việc cung cấp thông tin kịp thời chính xác.
- Tổ chức công tác kế toán phải đảm bảo nguyên tắc tiết kiệm hiệu quả.

Qua thời gian thực tập tại công ty TNHH Hùng Thắng, căn cứ vào những tồn tại khó khăn hiện nay trong công tác tổ chức kế toán của công ty, căn cứ vào những quy định của Nhà Nước và Bộ tài chính, đồng thời với sự giúp đỡ nhiệt tình của giáo viên hướng dẫn và phòng kế toán công ty, kết hợp với lý luận đã học tại trường, em xin đề xuất một số ý kiến sau đây hy vọng sẽ góp phần hoàn thiện hơn tổ chức công tác kế toán vốn bằng tiền và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn bằng tiền tại công ty.

Biện Pháp 1: Hoàn thiện chứng từ kế toán.

Công ty nên lập bảng kê thu Tiền mặt, bảng kê chi Tiền mặt .Việc lập bảng kê thu Tiền mặt và bảng kê chi Tiền mặt được căn cứ vào các phiếu thu, phiếu chi hàng ngày giúp cho việc quản lý Tiền mặt được hiệu quả hơn. Kế toán Tiền mặt có thể đối chiếu số liệu với sổ quỹ Tiền mặt được nhanh chóng thuận tiện, dễ dàng, chính xác, giúp phát hiện những chênh lệch, tìm ra nguyên nhân và kiến nghị biện pháp xử lý chênh lệch kịp thời. Đối với TGNH, việc lập bảng kê TGNH cũng giúp cho kế toán theo dõi số liệu sổ sách với sổ TGNH. Từ đó quản lý lượng tiền gửi tốt hơn, phát hiện được những chênh lệch nếu có.

Mẫu biểu số 3.2.1: Bảng kê chi tiền

Đơn vị:.....

Mẫu số :09-TT

Bộ phận:.....

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

Bảng kê chi Tiền

Tháng.... năm

- Họ và tên người chi:
- Bộ phận(hoặc địa chỉ):
- Chi cho công việc:

STT	Chứng từ		Nội dung	Số tiền
	Số hiệu	Ngày, tháng		
A	B	C	D	1
			Cộng	

Số tiền viết bằng chữ:.....

(Kèm theo.....chứng từ gốc)

Người lập bảng kê
(Ký ,họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký,họ tên)

Người duyệt
(Ký,họ tên)

Mẫu biểu số 3.2.2: Bảng kê chi tiền

Đơn vị:.....

Mẫu số :09-TT

Bộ phận:.....

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

Bảng kê chi Tiền

Tháng 9 năm 2009

- Họ và tên người chi: Nguyễn Thị Thủy
- Bộ phận(hoặc địa chỉ): Kế toán
- Chi cho công việc:

STT	Chứng từ		Nội dung	Số tiền
	Số hiệu	Ngày, tháng		
A	B	C	D	1
1	233	1/9	Nộp tiền vào TK	5.000.000
2	234	5/9	TTTH Cấp	55.000
3	235	6/9	CTY KK Mai Thủy	98.280.000
4	236	6/9	CTY TNHH x/l& VLCN	66.643.403
...		...		
			Cộng	3.084.007.221

Số tiền viết bằng chữ: Ba tỷ không trăm tám tư triệu không trăm linh bảy ngàn hai trăm hai mươi một đồng chẵn./.

(Kèm theo.....chứng từ gốc)

Người lập bảng kê

Kế toán trưởng

Người duyệt

(Ký ,họ tên)

(Ký,họ tên)

(Ký,họ tên)

Biên pháp 2: Hoàn thiện việc lập sổ chi tiết, bảng tổng hợp chi tiết.

Công ty nên sử dụng hệ thống sổ chi tiết trong công tác ghi chép kế toán như mẫu sổ chi tiết TK 131, TK 331

Mẫu biểu 3.2.3: Sổ chi tiết thanh toán với người mua(người bán)

Đơn vị:.....

Mẫu số S31-DN

Địa chỉ:.....

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

Sổ chi tiết thanh toán với người mua(người bán)

(Dùng cho TK:131,331)

Tài khoản:.....

Đối tượng:.....

Loại tiền: VND

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Thời hạn chiết khấu	Số PS		Số dư	
	Số hiệu	Ngày, tháng				N	C	N	C
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5
			Số dư đầu kỳ						
			Số phát sinh trong kỳ						
									
									
			Cộng số PS	X	X			X	x
			Số dư cuối kỳ	X	X	X	X		

-Số này có....trang, đánh số từ số trang 01 đến trang....

- Ngày mở sổ.....

Người ghi sổ

(Ký,họ tên)

Ngày...tháng...năm...

Kế toán trưởng

(ký,họ tên)

Mẫu biểu 3.2.4: Sổ chi tiết thanh toán với người mua.

Đơn vị:.....

Địa chỉ:.....

Mẫu số S31-DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

Sổ chi tiết thanh toán với người mua

(Dùng cho TK: 131)

Tài khoản: 131.....

Đối tượng: Công ty KK Mai Thủy

Loại tiền: VND

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Thời hạn chiết khấu	Số PS		Số dư	
	Số hiệu	Ngày, tháng				N	C	N	C
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5
			Số dư đầu kỳ					5.906.625.560	
			Số phát sinh trong kỳ						
30/9		30/9	Doanh thu BH	511		1.318.162.620			
30/9		30/9	Thuế GTGT đầu ra	3331		65.908.126			
30/9		30/9	Trả lại khách =TM	111		1.200.000.000			
30/9		30/9	Khách trả =TM	111			2.117.604.707		
30/9		30/9	Khách trả=TGNH	112			1.350.000.000		
			Cộng số PS			2.584.070.746	3.467.604.707		
			Số dư cuối kỳ					5.023.091.599	

-Số này có....trang, đánh số từ số trang 01 đến trang....

- Ngày mở sổ.....

Người ghi sổ
(Ký,họ tên)

Ngày...tháng...năm...
Kế toán trưởng
(ký,họ tên)

Biện Pháp 3: Hoàn thiện việc lập bảng kiểm kê quỹ.

Bảng kiểm kê quỹ nhằm xác nhận số tiền tồn tại quỹ thực tế và số thừa, thiếu so với số quỹ trên cơ sở đó tăng cường quản lý quỹ và làm cơ sở quy trách nhiệm vật chất, ghi sổ kế toán chênh lệch.

Mẫu biểu 3.2.5: Bảng kiểm kê quỹ

Đơn vị:.....

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Địa chỉ:.....

ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

Bảng kiểm kê quỹ

Số

Hôm nay vào giờ.....ngày ...tháng...năm...

Chúng tôi gồm:

- Ông/bà.....đại diện kế toán
- Ông/bà.....đại diện thủ quỹ
- Ông/bà.....đại diện.....

Cùng tiến hành kiểm kê quỹ Tiền mặt,kết quả như sau:

STT	DG	Số lượng(tờ)	Số tiền
A	B	1	2
I	Số dư theo sổ quỹ		
II	Số kiểm kê thực tế		
1	Trong đó: - loại		
2	- loại		
3	- loại		
4	- loại		
5	- loại		
III	Chênh lệch(III=I -II)		

- Lý do:- thừa
- thiếu
- Kết luận sau khi kiểm kê quỹ.

Kế toán trưởng
(Ký,họ tên)

Thủ quỹ
(Ký ,họ tên)

Người chịu trách nhiệm kiểm kê quỹ
(Ký ,họ tên)

Mẫu biểu 3.2.6: Bảng kiểm kê quỹ

Đơn vị: Công ty TNHH Hùng Thắng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Địa chỉ: 57 Lê Thánh Tông - NQ - HP

ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

Bảng kiểm kê quỹ

Hôm nay, vào 17 giờ 30 ngày 30 tháng 9 năm 2009

Chúng tôi gồm:

- Ông/bà: Nguyễn Thị Thủy đại diện kế toán
- Ông/bà: Hoàng Thị Dung đại diện thủ quỹ

Cùng tiến hành kiểm kê quỹ Tiền mặt, kết quả như sau:

STT	DG	Số lượng (tờ)	Số tiền
A	B	1	2
I	Số dư theo sổ quỹ		4.067.633
II	Số kiểm kê thực tế		4.067.633
1	Trong đó: - loại	35	100.000
2	- loại	10	50.000
3	- loại	4	10.000
4	- loại	1	20.000
5	- loại	1	5.000
	- loại	3	200
III	Chênh lệch (III = I - II)	-	-

- Lý do: - thừa
- thiếu
- Kết luận sau khi kiểm kê quỹ: Tiền mặt tại quỹ đủ

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Thủ quỹ
(Ký, họ tên)

Người chịu trách nhiệm kiểm kê quỹ
(Ký, họ tên)

Mẫu biểu số 3.2.7: Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ

Đơn vị: Công ty CP KS DL Đại Dương

Mẫu số: S02b- DN

Địa chỉ: 20 Lê Đại Hành- HB- HP

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ- BTC

Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ

Năm 2009

Chứng từ ghi sổ		Số tiền	Chứng từ ghi sổ		Số tiền
Số hiệu	Ngày tháng		Số hiệu	Ngày tháng	
A	B	1	A	B	1
			...	...	...
...	...	...	...	...	...
.....					

Ngày .. tháng .. năm

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, đóng dấu, họ tên)

Mẫu biểu số 3.2.8: Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ

Đơn vị: Công ty CP KS DL Đại Dương

Mẫu số: S02b- DN

Địa chỉ: 20 Lê Đại Hành- HB- HP

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ- BTC

Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ

Năm 2009

Chứng từ ghi sổ		Số tiền	Chứng từ ghi sổ		Số tiền
Số hiệu	Ngày tháng		Số hiệu	Ngày tháng	
A	B	1	A	B	1
0109	30/9	3.067.604.707	...	...	...
0209	30/9	3.084.007.221	...	...	...
0309	30/9	2.565.028.079			
0409	30/9	2.558.145.525			
...	...	...	...		

Ngày .. tháng .. năm

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, đóng dấu, họ tên)

Biện Pháp 4: Hoàn thiện hệ thống TK áp dụng trong công ty.

Hiện nay công ty TNHH Hùng Thắng không sử dụng TK 113 “Tiền đang chuyển” để hạch toán. Công ty nên đưa TK này hạch toán vốn bằng tiền để đảm bảo tính chính xác, cập nhật về tiền. Đây là số tiền của doanh nghiệp trong quá trình xử lý như chuyển tiền đang gửi vào ngân hàng, kho bạc, chuyển trả cho khách hàng qua đường bưu điện nhưng chưa nhận được giấy báo có của ngân hàng hay hay thông báo của bưu điện về việc hoàn thành nghiệp vụ- Tiền đang chuyển có thể là VND hoặc có thể là ngoại tệ các loại.

N	TK 113	C
- Các khoản Tiền mặt hoặc séc bằng tiền VN, ngoại tệ đã nộp vào ngân hàng hoặc gửi bưu điện nhưng chưa nhận được giấy báo có. - Chênh lệch tăng tỷ giá hối đoái Do đánh giá lại số dư ngoại tệ tiền Đang chuyển cuối kỳ. Số dư: các TK tiền đang chuyển cuối kỳ	- Kết chuyển vào TK 112 hoặc TK có liên quan. - Chênh lệch giảm tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ tiền đang chuyển cuối kỳ.	

Biện Pháp 5: Hoàn thiện về việc nâng cao hiệu quả sử dụng vốn bằng tiền.

- Hầu hết các khoản chi trả của công ty đều dồn vào cuối tháng, do vậy thời điểm này phải cần đến một lượng Tiền mặt rất lớn. Điều này có thể ảnh hưởng rất lớn đến dòng tiền ra của doanh nghiệp. Để tránh tình trạng này, công ty có thể áp dụng việc trả lương bằng thẻ vừa an toàn, vừa tiện lợi.

- Công ty nên lập khoản dự phòng nợ phải thu để chủ động về tài chính trong những trường hợp khách hàng thanh toán chậm hay phát sinh những khoản nợ khó đòi.

- Nâng cao, hoàn thiện bộ máy quản lý chi phí trong công ty, tránh phát sinh những khoản không cần thiết như tiếp khách, hội họp, mua TSCĐ không dùng cho mục đích kinh doanh sẽ ảnh hưởng không ít đến hiệu quả sử dụng vốn.

Biện pháp 6: Hoàn thiện việc áp dụng công nghệ thông tin.

Công ty nên áp dụng kế toán trên máy bằng việc sử dụng phần mềm kế toán trong công tác kế toán nói chung và kế toán vốn bằng tiền nói riêng.

Hiện nay, kế toán thủ công chưa đáp ứng được yêu cầu hạch toán và yêu cầu quản lý. Để góp phần hiện đại hoá công tác quản lý và nâng cao chất lượng công tác quản lý, đồng thời tiết kiệm được nguồn nhân lực giảm áp lực công việc cho kế toán, giảm thiểu được những nhầm lẫn do tính toán thủ công gây ra. Một kế toán có thể đảm nhiệm được nhiều thành phần kế toán hơn, đáp ứng một cách nhanh chóng kịp thời, chính xác thông tin kiểm toán khi có yêu cầu. Từ đó tạo điều kiện cho kế toán tập trung vào công việc lao động thực sự sáng tạo của quá trình quản lý, tư vấn tài chính, lập kế hoạch sản xuất kinh doanh cho những kỳ tới, nâng cao hiệu quả của công tác kế toán và hiệu quả kinh doanh nói chung. Hiện nay trên thị trường có rất nhiều phần mềm kế toán ví dụ: Fast, Sas, Misa, EFFECT,... do đó ta có thể lựa chọn chương trình kế toán phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty.

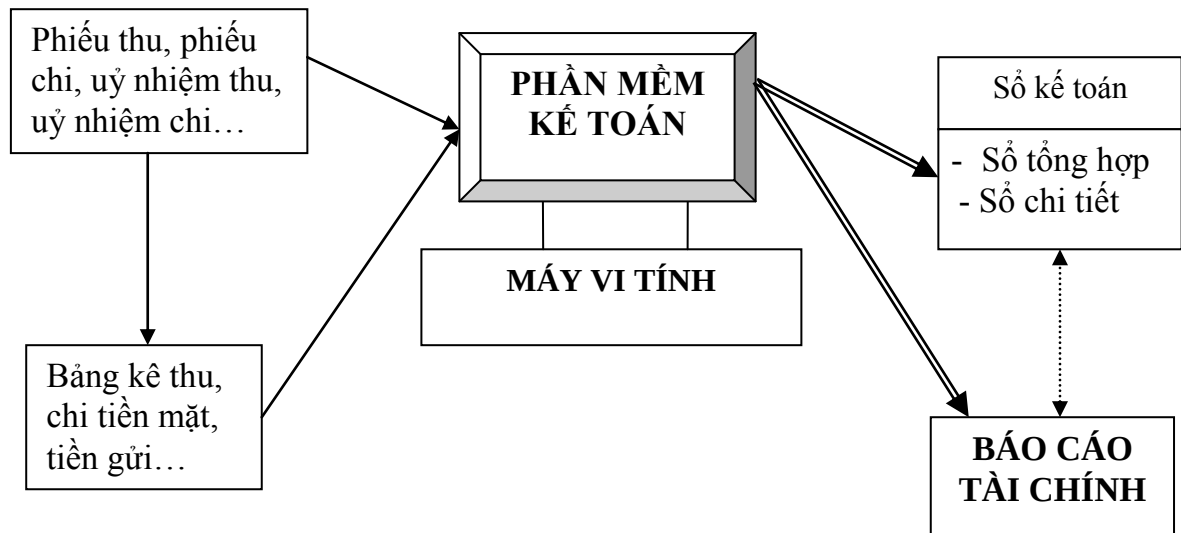
- Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng, biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán.

- Theo quy trình của phần mềm kế toán, các thông tin được nhập vào máy theo từng chứng từ và tự động nhập vào sổ kế toán tổng hợp và các sổ, thẻ kế toán chi tiết có liên quan.

- Cuối tháng (hoặc vào bất kỳ thời điểm cần thiết nào), kế toán thực hiện các thao tác khoá sổ và lập báo cáo tài chính. Việc đối chiếu giữa số liệu tổng hợp với số liệu chi tiết được thực hiện tự động và luôn bảo đảm chính xác, trung

thực theo thông tin đã được nhập trong kỳ. Người làm kế toán có thể kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa sổ kế toán với báo cáo tài chính sau khi đã in ra giấy.

- Cuối kỳ kế toán sổ kế toán được in ra giấy, đóng thành quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định về sổ kế toán ghi bằng tay.



Ghi chú:

Nhập số liệu hàng ngày	—————→
In sổ, báo cáo cuối tháng	══════════→
Đối chiếu, kiểm tra	←═══════════→

Biểu 3.1 Trình tự kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính.

Bên cạnh đó công ty nên thực hiện việc đầu tư đổi mới máy móc thiết bị hiện đại, đào tạo, hướng dẫn cho đội ngũ cán bộ kế toán sử dụng thành thạo các bút toán đã cài đặt trên máy vi tính. Đồng thời công ty phải quan tâm hơn nữa tới việc đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ cho các nhân viên kế toán để nâng cao hơn trình độ nghiệp vụ, nhằm đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ của kế toán trong giai đoạn mới.

Trên đây là một số phương hướng hoàn thiện công tác kế toán nói chung và công tác vốn bằng tiền nói riêng mà em xin mạnh dạn nêu ra, mong rằng đó sẽ là những phương hướng đem lại hiệu quả nào đó cho công ty.

LỜI KẾT

Việc quản lý và sử dụng vốn là một khâu quan trọng ảnh hưởng tới việc phát triển hay suy thoái của doanh nghiệp. Chính vì vậy mà công tác kế toán vốn bằng tiền rất quan trọng và là công cụ không thể thiếu được trong quản lý kế toán của doanh nghiệp.

Qua thời gian thực tập ở công ty TNHH Hùng Thắng, em nhận thấy công tác kế toán vốn bằng tiền luôn được công ty chú trọng và thực hiện theo đúng chế độ kế toán hiện hành của Nhà nước và đã đáp ứng được nhu cầu quản lý của công ty trong giai đoạn hiện nay. Tuy nhiên, vì mục tiêu phát triển của công ty, theo em công tác kế toán cần phải có những bước đổi mới, đặc biệt là công tác kế toán vốn bằng tiền, từ đó nhằm hoàn thiện bộ máy kế toán của công ty, mang lại hiệu quả cao hơn trong công tác quản lý của doanh nghiệp.

Trong thời gian thực tập tại công ty TNHH Hùng Thắng, được sự giúp đỡ tận tình của cô giáo- Thạc sĩ Phạm Thị Nga, cùng toàn thể cô bác trong phòng kế toán và ban giám đốc công ty TNHH Hùng Thắng, em đã hoàn thành bài khoá luận tốt nghiệp của mình với đề tài “Hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH Hùng Thắng”.

Do trình độ lý luận và thời gian thực tập còn hạn chế, luận văn tốt nghiệp chắc chắn còn nhiều thiếu sót, em rất mong nhận được sự chỉ bảo của thầy cô để bài luận văn của em hoàn thiện cả về mặt lý luận lẫn nội dung.

Em xin chân thành cảm ơn ban lãnh đạo công ty cùng toàn thể các cô bác cán bộ phòng kế toán và đặc biệt là cô giáo- Thạc sĩ Phạm Thị Nga đã nhiệt tình giúp đỡ em hoàn thành bài luận văn tốt nghiệp.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải phòng, ngày 25 tháng 6 năm 2009

Sinh viên

Nguyễn Thị Thuỷ.

Danh mục tài liệu tham khảo

1. Chế độ kế toán doanh nghiệp- Quyển 1: Hệ thống tài khoản kế toán – NXB tài chính- Hà Nội 2006.
2. Chế độ kế toán doanh nghiệp- Quyển 2: Báo cáo tài chính chứng từ và sổ kế toán sơ đồ kế toán – NXB tài chính – Hà Nội 2006.
3. Tài liệu sổ sách do công ty TNHH Hùng Thắng cung cấp.
4. PGS.TS Nghiêm Văn Lợi, giáo trình nguyên lý kế toán, NXB tài chính 2006.
5. Trang www.webketoan.com.vn
6. Trang www.tradimexcohp.com.vn

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
Chương 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TRONG DOANG NGHIỆP	2
1.1. Khái niệm, nhiệm vụ của kế toán vốn bằng tiền:.....	2
1.1.1. Khái niệm, nội dung kế toán vốn bằng tiền:	2
1.1.2. Yêu cầu quản lý vốn bằng tiền.....	2
1.1.3. Nhiệm vụ kế toán vốn bằng tiền:	3
1.1.4. Vai trò của kế toán vốn bằng tiền:.....	3
1.1.5. Ý nghĩa của vốn bằng tiền.....	4
1.1.6. Nguyên tắc kế toán vốn bằng tiền.	5
1.2. Kế toán tiền mặt tại quỹ:	8
1.2.1. Tài khoản sử dụng:	8
1.2.2. Chứng từ sử dụng để hạch toán tiền mặt tại quỹ:	9
1.2.3. Phương pháp hạch toán tiền mặt VND.	10
1.2.3.1. Quy tắc kế toán tiền mặt Việt Nam đồng:.....	11
1.2.3.2. Tài khoản sử dụng:	11
1.2.3.3. Phương pháp kế toán tiền Việt Nam: Được thể hiện qua sơ đồ 1.1 sau:	11
1.2.4. Phương pháp hạch toán tiền mặt (ngoại tệ).	13
1.2.4.1. Nguyên tắc hạch toán ngoại tệ:	13
1.2.4.2. Tài khoản sử dụng:	13
1.2.4.3. Phương pháp kế toán tiền ngoại tệ: Được thể hiện qua sơ đồ 1.2.	13
1.2.5. Hạch toán vàng bạc, kim khí, đá quý:.....	15
1.2.5.1. Nguyên tắc kế toán vàng bạc, kim khí, đá quý:	15
1.2.5.2. Tài khoản sử dụng:	15
1.3. Kế toán tiền gửi ngân hàng:	16
1.3.1. Nguyên tắc kế toán tiền gửi ngân hàng:.....	16

1.3.2. Tài khoản sử dụng:	18
1.3.3. Nguyên tắc kế toán tiền gửi Việt Nam:.....	18
1.3.3.1. Tài khoản sử dụng:	18
1.3.3.2. Phương pháp kế toán tiền gửi Việt Nam: Được thể hiện qua sơ đồ 1.3	18
1.3.4. Nguyên tắc kế toán tiền gửi ngoại tệ:.....	18
1.3.4.1. Nguyên tắc kế toán tiền gửi ngoại tệ:	18
1.3.4.2. Tài khoản sử dụng:	18
1.3.4.3. Phương pháp kế toán tiền gửi ngoại tệ: Được thể hiện qua sơ đồ 1.4	18
1.4. Tiền đang chuyển:	21
1.4.1. Nguyên tắc kế toán tiền đang chuyển:	21
1.4.2. Tài khoản sử dụng:	21
1.4.3. Phương pháp kế toán tiền đang chuyển: Được thể hiện qua sơ đồ sau:	22
1.5. Các hình thức ghi sổ kế toán vốn bằng tiền:	23
1.5.1. Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ:.....	23
1.5.2. Hình thức kế toán nhật ký chung:	24
1.5.3. Hình thức sổ kế toán Nhật ký- sổ cái:	25
1.5.4. Hình thức kế toán Nhật ký chứng từ:	26
1.5.5. Hình thức kế toán máy:	27
Chương 2: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY TNHH HÙNG THẮNG.....	28
2.1: Tổng quan về công ty TNHH Hùng Thắng.	28
2.1.1: Quá trình hình thành và phát triển của công ty TNHH Hùng Thắng	28
2.1.2: Những khó khăn, thuận lợi và thành tích đạt được của công ty trong quá trình hoạt động	29
2.1.4: Tổ chức công tác kế toán và bộ máy kế toán của công ty.	31
2.2: Thực trạng tổ chức công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH Hùng Thắng.....	35
2.2.1: Kế toán Tiền mặt.	36
2.2.2: Kế toán chi Tiền mặt.	39

2.2.2: Kế toán TGNH tại công ty .	52
Chương 3: MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM CẢI THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY TNHH HÙNG THẮNG	61
3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH Hùng Thắng.	61
3.1.1: Những ưu điểm.	62
3.1.2. Những nhược điểm:	63
3.2. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH Hùng Thắng.	64
LỜI KẾT	77